

Các Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD



2004

Bản gốc do OECD xuất bản bằng tiếng Anh và tiếng Pháp với tiêu đề:
OECD Principles of Corporate Governance- 2004 Edition
Principles de gouvernement d'entreprise de l'OCDE- E'dition 2004
© 2004 OECD

Bản quyền tác phẩm được bảo hộ.

© 2010 Tổ chức Tài chính Quốc tế tại Việt Nam (IFC) giữ bản quyền bản dịch tiếng Việt.

Xuất bản theo thỏa thuận với OECD, Pa-ri.

Tổ chức Tài chính Quốc tế tại Việt Nam chịu trách nhiệm về chất lượng của bản dịch tiếng Việt

CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA OECD

2004



TỔ CHỨC HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế

Điều 1 của Hiệp ước ký tại Pa-ri ngày 14 tháng 12 năm 1960, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 9 năm 1961 quy định Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) sẽ thúc đẩy việc xây dựng các chính sách nhằm:

- Đạt được sự tăng trưởng kinh tế và việc làm bền vững nhất, nâng cao mức sống ở các quốc gia thành viên, đồng thời duy trì ổn định tài chính, qua đó đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế thế giới.
- Đóng góp cho sự phát triển vững chắc về kinh tế ở các quốc gia thành viên và không thành viên trong quá trình phát triển kinh tế; và
- Đóng góp cho sự mở rộng của thương mại thế giới trên cơ sở đa phương, không phân biệt đối xử theo các cam kết quốc tế.

Các quốc gia thành viên đầu tiên của OECD là Áo, Bỉ, Ca Na Đa, Đan Mạch, Pháp, Đức, Hy Lạp, Ai Xơ Len, Ai Len, Ý, Luych Xăm Bua, Hà Lan, Na Uy, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Anh và Mỹ. Lần lượt các quốc gia sau trở thành thành viên OECD vào những ngày tháng ghi sau đây: Nhật Bản (ngày 28 tháng 4 năm 1964), Phần Lan (ngày 28 tháng 1 năm 1969), Úc (ngày 7 tháng 6 năm 1971), Niu Di Lân (ngày 29 tháng 5 năm 1973), Mê Xi Cô (ngày 18 tháng 5 năm 1994), Cộng hòa Séc (ngày 21 tháng 12 năm 1995), Hungary (ngày 7 tháng 5 năm 1996), Ba Lan (ngày 22 tháng 11 năm 1996), Hàn Quốc (ngày 12 tháng 12 năm 1996) và Cộng hòa Slovakia (ngày 14 tháng 12 năm 2000). Ủy ban Cộng đồng Châu Âu tham gia vào công việc của OECD (Điều 13 của Hiệp ước OECD).

Lời nói đầu

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD được Hội đồng Bộ trưởng OECD phê chuẩn lần đầu vào năm 1999 và từ đó trở thành chuẩn mực quốc tế cho các nhà hoạch định chính sách, nhà đầu tư, công ty và các bên có quyền lợi liên quan khác trên toàn thế giới. Bộ Nguyên tắc đã đẩy mạnh tầm quan trọng của quản trị công ty và cung cấp hướng dẫn cụ thể cho các sáng kiến pháp lý và quản lý ở các quốc gia thuộc lẫn không thuộc OECD. Diễn đàn Ổn định Tài chính chỉ rõ bộ Nguyên tắc là một trong 12 tiêu chuẩn then chốt đối với các hệ thống tài chính vững mạnh. Bộ Nguyên tắc cũng là nền tảng cho chương trình mở rộng hoạt động giữa các quốc gia thuộc và không thuộc OECD và củng cố phần quản trị công ty của các Báo cáo của Ngân hàng Thế giới/Quỹ Tiền tệ Quốc tế về Tình hình Tuân thủ các Tiêu chuẩn và Chuẩn mực (ROSC).

Bộ Nguyên tắc đã được rà soát lại kỹ càng để cập nhật những diễn biến và kinh nghiệm gần đây ở các quốc gia thành viên và không thành viên của OECD. Các nhà hoạch định chính sách hiện nay nhận thức rõ hơn về sự đóng góp của quản trị công ty tốt đối với sự ổn định của thị trường tài chính, đầu tư và phát triển kinh tế. Các công ty hiểu rõ hơn quản trị công ty tốt đóng góp cho lợi thế cạnh tranh của họ như thế nào. Nhà đầu tư - đặc biệt là các tổ chức đầu tư tập thể và quỹ hưu trí - nhận ra họ đóng một vai trò trong việc đảm bảo các thông lệ kinh doanh tốt, qua đó củng cố giá trị các khoản đầu tư của họ. Trong các nền kinh tế hiện nay, sự quan tâm tới quản trị công ty vượt ra ngoài khuôn khổ quan tâm của cổ đông đối với hiệu quả của từng công ty. Khi các công ty đóng vai trò nòng cốt trong nền kinh tế và dân chúng ngày càng phụ thuộc vào các công ty tư nhân để quản lý các khoản tiết kiệm cá nhân và đảm bảo thu nhập khi về hưu thì quản trị công ty tốt ngày càng có tầm quan trọng đặc biệt đối với một bộ phận lớn dân số.

Việc sửa đổi bộ Nguyên tắc được thực hiện bởi Ủy ban Chỉ đạo về Quản trị Công ty dưới sự ủy nhiệm của Hội đồng Bộ trưởng OECD năm 2002. Việc sửa đổi này được hỗ trợ bởi một cuộc khảo sát toàn diện về cách thức các quốc gia thành viên giải quyết các vấn đề trong quản trị công ty mà họ gặp phải. Việc sửa đổi cũng sử dụng kinh nghiệm của các nền kinh tế ngoài khu vực OECD, nơi OECD hợp tác cùng Ngân hàng Thế giới và các nhà tài trợ khác tổ chức các Hội nghị Bàn tròn về Quản trị Công ty Khu vực nhằm hỗ trợ các nỗ lực cải cách trong khu vực.

Quá trình sửa đổi được sự đóng góp từ nhiều phía, trong đó có sự tham gia tích cực của các tổ chức quốc tế lớn. Tham vấn ý kiến được tổ chức rộng rãi với khối tư nhân, người lao động, các tổ chức xã hội dân sự và đại diện các quốc gia không thuộc OECD. Quá trình này cũng nhận được sự trợ giúp, đóng góp ý kiến của các chuyên gia được quốc tế công nhận, những người tham gia hai cuộc họp cấp cao không chính thức mà tôi triệu tập. Cuối cùng, dự thảo của bộ Nguyên tắc nhận được nhiều đóng góp xây dựng khi đưa lên mạng internet để lấy ý kiến công chúng.

Bộ Nguyên tắc này là một tài liệu sống cung cấp các tiêu chuẩn không bất buộc và thông lệ tốt cũng như hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn và thông lệ này, có thể điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng quốc gia và khu vực. OECD cung cấp một diễn đàn cho việc đối thoại và trao đổi kinh nghiệm liên tục giữa các quốc gia thành viên và không thành viên. Để theo kịp sự thay đổi liên tục của thị trường, OECD sẽ theo dõi chặt chẽ các diễn biến trong quản trị công ty, nhận dạng các xu thế và tìm kiếm giải pháp cho những thách thức mới.

Bộ Nguyên tắc Sửa đổi sẽ tăng cường hơn nữa sự đóng góp và cam kết của OECD đối với các nỗ lực tập thể nhằm đẩy mạnh cơ cấu quản trị công ty trên toàn thế giới trong những năm tiếp theo. Công trình này sẽ không loại trừ được tận gốc hoạt động tội phạm, nhưng các hoạt động này sẽ khó khăn hơn khi luật lệ được quy định và thực hiện theo đúng bộ Nguyên tắc.

Quan trọng là nỗ lực của chúng ta cũng góp phần phát triển một văn hóa giá trị cho các hành vi nghề nghiệp và đạo đức làm nền tảng cho thị trường vận hành tốt. Lòng tin và sự chính trực đóng vai trò thiết yếu trong đời sống kinh tế, và vì lợi ích kinh doanh cũng như sự thịnh vượng trong tương lai chúng ta phải đảm bảo rằng các nỗ lực đó được đền đáp xứng đáng.

Donald J. Johnson

Tổng thư ký OECD

LỜI CẢM ƠN

Tôi muốn gửi lời cảm ơn tới các thành viên của Ủy ban Chỉ đạo về Quản trị Công ty và Chủ tịch Ủy ban, bà Veronique Ingram, về sự tận tụy và chuyên nghiệp của họ trong việc hoàn thiện và sửa đổi một cách hiệu quả Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty trong một thời gian ngắn. Tôi cũng muốn cảm ơn tất cả các quan chức và chuyên gia trên khắp thế giới đã tham gia các buổi tham vấn, đóng góp ý kiến hoặc góp phần đảm bảo sự phù hợp của Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD trong giai đoạn phát triển kinh tế mới.

Lời cảm ơn đặc biệt được gửi tới Ira Millstein và ngài Adrian Cadbury, những người đã đóng góp rất nhiều kể từ khi công trình quản trị công ty của OECD mới bắt đầu, và tới tất cả những người tham gia hai cuộc họp không chính thức cấp cao mà tôi triệu tập tại Pa-ri và các chuyên gia ưu tú khác đã đóng góp cho việc sửa đổi, bao gồm: Susan Bies, Susan Bray, Ron Blackwell, Alain-Xavier Briatte, David Brown, Luiz Cantidiano, Maria Livanos Cattai, Peter Clifford, Andrew Crockett, Stephen Davis, Peter Dey, Carmine Di Noia, John Evans, Jeffrey Garten, Leo Goldschmidt, James Grant, Gerd Häusler, Tom Jones, Stephen Joynt, Erich Kandler, Michael Klein, Igor Kostikov, Daniel Lebegue, Jean-François Lepetit, Claudine Malone, Teruo Masaki, Il-Chong Nam, Taiji Okusu, Michel Pebereau, Caroline Phillips, Patricia Peter, John Plender, Michel Prada, Iain Richards, Alastair Ross Goobey, Albrecht Schäfer, Christian Schricke, Fernando Teixeira dos Santos, Christian Strenger, Barbara Thomas, Jean-Claude Trichet, Tom Vant, Graham Ward, Edwin Williamson, Martin Wassell, Peter Woicke, David Wright và Eddy Wymeersch.

Ngoài các thành viên từ tất cả các quốc gia OECD, Ủy ban Chỉ đạo về Quản trị Công ty còn có các quan sát viên từ Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS). Vì mục đích sửa đổi bộ Nguyên tắc, Diễn đàn Ổn định Tài chính (FSF), Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng, và Tổ chức Quốc tế các Ủy ban Chứng khoán (IOSCO) được mời làm các quan sát viên đặc biệt.

Tôi cũng hân hạnh cảm ơn những đóng góp xây dựng của Ủy ban Tư vấn Kinh doanh và Công Nghiệp (BIAC) của OECD và Ủy ban Tư vấn Nghiệp đoàn (TUAC) mà đại diện của họ đã tham gia tích cực trong suốt quá trình sửa đổi, bao gồm các cuộc họp thường xuyên của Ủy ban Chỉ đạo.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn các nhân viên của Ban Thư ký OECD trong Ban Quản lý các Vấn đề Tài chính và Doanh nghiệp đã dành nhiều thời gian phục vụ Ủy ban Thường trực với sự tận tụy và chuyên nghiệp của mình: William Witherell, Rainer Geiger, Rinaldo Pecchioli, Robert Ley, Mats Isaksson, Grant Kirkpatrick, Alessandro Goglio, Laura Holliday, và các thành viên khác của Ban Các vấn đề Doanh nghiệp.

Mục lục

Lời giới thiệu.....	11
---------------------	----

Phần một

Các Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD

I. Đảm bảo Cơ sở cho một Khuôn khổ Quản trị Công ty Hiệu quả. 17	
II. Quyền của Cổ đông và các Chức năng Sở hữu Cơ bản 18	
III. Đối xử Bình đẳng đối với Cổ đông 20	
IV. Vai trò của các Bên có Quyền lợi liên quan trong Quản trị Công ty 21	
V. Công bố Thông tin và Tính minh bạch..... 22	
VI. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị 24	

Phần hai

Hướng dẫn chi tiết các Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD

I. Đảm bảo Cơ sở cho một Khuôn khổ Quản trị Công ty Hiệu quả. 29	
II. Quyền của Cổ đông và các Chức năng Sở hữu Cơ bản 33	
III. Đối xử Bình đẳng đối với Cổ đông..... 41	
IV. Vai trò của các Bên có Quyền lợi Liên quan trong Quản trị Công ty48	
V. Công bố Thông tin và Tính minh bạch..... 51	
VI. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị 61	

Các Nguyên Tắc Quản trị Công ty của OECD

Bộ Nguyên Tắc Quản trị Công ty của OECD ban đầu được xây dựng nhằm đáp ứng lời kêu gọi của Hội nghị cấp Bộ trưởng OECD ngày 27-28 tháng 4 năm 1998 phát triển một bộ tiêu chuẩn và hướng dẫn chung về quản trị công ty cùng với các chính phủ, các tổ chức quốc tế và khối tư nhân. Kể từ khi được phê chuẩn năm 1999, bộ Nguyên tắc đã trở thành nền tảng cho các sáng kiến quản trị công ty ở các quốc gia thành viên và không thành viên của OECD. Bộ Nguyên tắc này cũng được Diễn đàn Ổn định Tài chính sử dụng như một trong Mười hai Tiêu chuẩn Chủ chốt đối với Hệ thống Tài chính Vững mạnh. Do đó, các nguyên tắc này được sử dụng làm nền tảng cho phần quản trị công ty của các Báo cáo của Ngân hàng Thế giới/Quỹ Tiền tệ Quốc tế về Tình hình Tuân thủ các Tiêu chuẩn và Chuẩn mực (ROSC).

Hội nghị cấp Bộ trưởng OECD năm 2002 đã thỏa thuận tiến hành khảo sát các quốc gia thuộc OECD và đánh giá bộ Nguyên tắc theo sự phát triển của quản trị công ty. Nhiệm vụ này được giao cho Ủy ban Chỉ đạo về Quản trị Công ty của OECD, bao gồm đại diện từ các quốc gia thuộc OECD. Ngoài ra, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS), và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tham gia với tư cách là các quan sát viên cho Ủy ban. Để đánh giá, Ủy ban cũng mời Diễn đàn Ổn định Tài chính, Ủy ban Basel, và Tổ chức Quốc tế các Ủy ban Chứng khoán (IOSCO) làm quan sát viên đặc biệt.

Trong khi sửa đổi bộ Nguyên tắc, Ủy ban Chỉ đạo đã tiến hành các cuộc tham vấn toàn diện và thực hiện cuộc Khảo sát Quản trị Công ty tại các Quốc gia thuộc OECD với sự giúp đỡ của các thành viên. Chuyên gia từ nhiều quốc gia trên thế giới đã tham gia đóng góp ý kiến cho bộ Nguyên tắc và tham dự các Hội nghị Bàn tròn về Quản trị Công ty Khu vực mà OECD, phối hợp với Ngân hàng Thế giới và các quốc gia khác không thuộc OECD, tổ chức ở Nga, Châu Á, Đông Nam Á, Châu Mỹ La Tinh và tiểu vùng Á-Âu với sự hỗ trợ của Diễn đàn Quản trị Công ty Toàn cầu và các tổ chức khác. Ngoài ra, Ủy ban Chỉ đạo cũng tham vấn một số lượng lớn các bên có liên quan như khối doanh nghiệp, nhà đầu tư, các tổ chức nghề nghiệp quốc gia và quốc tế, các nghiệp đoàn, tổ chức xã hội và các cơ quan hoạch định tiêu chuẩn quốc tế. Bản dự thảo bộ Nguyên tắc được đăng tải trên trang web của OECD để lấy ý kiến công chúng rộng rãi và thu được một số lượng lớn phản hồi. Các ý kiến này được công bố công khai trên trang web của OECD.

Trên cơ sở các cuộc thảo luận trong Ủy ban Chỉ đạo, cuộc Khảo sát và ý kiến đóng góp nhận được trong các cuộc tham vấn trên diện rộng, kết luận được đưa ra là bộ Nguyên tắc năm 1999 cần được sửa đổi để bao quát các diễn biến và vấn đề mới. Việc sửa đổi cần khuyến khích duy trì cách tiếp cận dựa trên nguyên tắc không bắt buộc, thừa nhận yêu cầu thực tế là việc thực hiện các nguyên tắc này phải được vận dụng phù hợp với hoàn cảnh kinh tế và văn hóa riêng biệt của từng nước. Vì vậy, bộ Nguyên tắc sửa đổi trình bày trong tài liệu này được xây dựng dựa trên các kinh nghiệm thu thập được không chỉ ở các quốc gia thành viên của OECD mà còn ở các quốc gia không phải thành viên của OECD.

Lời giới thiệu

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty này nhằm giúp chính phủ các nước thành viên và không thành viên của OECD đánh giá và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, tổ chức và quản lý cho quản trị công ty ở quốc gia họ và cung cấp các hướng dẫn và khuyến nghị cho thị trường chứng khoán, nhà đầu tư, công ty và các bên khác có vai trò trong quá trình phát triển quản trị công ty tốt. Bộ Nguyên tắc này tập trung vào các công ty cổ phần đại chúng trong lĩnh vực tài chính và phi tài chính. Tuy nhiên, trong phạm vi có thể, bộ Nguyên tắc cũng là công cụ hữu ích để nâng cao quản trị công ty ở các công ty không phải là công ty cổ phần như doanh nghiệp tư nhân và công ty nhà nước. Bộ Nguyên tắc là cơ sở chung mà các quốc gia thành viên của OECD coi là thiết yếu cho sự phát triển các thông lệ quản trị công ty tốt. Chúng tôi cố gắng xây dựng bộ Nguyên tắc chính xác, dễ hiểu để cộng đồng quốc tế có thể sử dụng được. Bộ Nguyên tắc không nhằm thay thế các sáng kiến của chính phủ, các tổ chức bán công hay khu vực tư nhân trong việc phát triển “thông lệ tốt nhất” trong quản trị công ty.

OECD và chính phủ các nước thành viên ngày càng nhận ra sự hỗ trợ lẫn nhau giữa kinh tế vĩ mô và các chính sách cơ cấu kinh tế trong việc đạt được các mục tiêu chính sách căn bản. Quản trị công ty là một yếu tố then chốt để đẩy mạnh hiệu quả thị trường, phát triển kinh tế cũng như tăng cường lòng tin của nhà đầu tư. Quản trị công ty liên quan tới một tập hợp các mối quan hệ giữa Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác. Quản trị công ty cũng thiết lập cơ cấu qua đó giúp xây dựng mục tiêu của công ty, xác định phương tiện để đạt được các mục tiêu đó, và giám sát hiệu quả thực hiện mục tiêu. Quản trị công ty tốt cần tạo được sự khuyến khích đối với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc để thực hiện các mục tiêu vì lợi ích công ty và cổ đông, và phải tạo điều kiện giám sát hiệu quả. Sự tồn tại của hệ thống quản trị công ty hiệu quả trong phạm vi một công ty và trong cả nền kinh tế nói chung góp phần tạo ra mức độ tin tưởng là nền tảng cho sự vận hành của kinh tế thị trường. Nhờ đó, chi phí vốn thấp hơn và công ty được khuyến khích sử dụng các nguồn lực hiệu quả hơn, và vì thế cũng có sự phát triển.

Quản trị công ty chỉ là một phần của bối cảnh kinh tế rộng lớn hơn trong đó công ty hoạt động, bao gồm các chính sách kinh tế vĩ mô, mức độ cạnh tranh trong thị trường sản phẩm và thị trường tư liệu sản xuất v.v. Khuôn khổ quản trị công ty cũng phụ thuộc vào môi trường pháp lý, quản lý và tổ

chức. Ngoài ra, các yếu tố như đạo đức kinh doanh và ý thức của công ty về các lợi ích môi trường và xã hội của cộng đồng nơi công ty hoạt động cũng có thể ảnh hưởng tới danh tiếng và sự thành công lâu dài của công ty.

Trong khi có vô số các yếu tố ảnh hưởng tới quản trị và quá trình ra quyết định cũng như giữ vai trò quan trọng đối với thành công lâu dài của công ty, bộ Nguyên tắc này tập trung vào các vấn đề quản trị bắt nguồn từ việc tách rời quyền sở hữu và quyền kiểm soát. Tuy nhiên, điều này không đơn thuần là vấn đề về mối quan hệ giữa cổ đông và ban lãnh đạo, mặc dù đây thực tế là yếu tố chủ yếu. Ở một số quốc gia, các vấn đề quản trị cũng nảy sinh từ quyền lực của một số cổ đông nắm quyền kiểm soát nào đó đối với cổ đông thiểu số. Ở các quốc gia khác, người lao động có quyền lực quan trọng được pháp luật công nhận bất kể quyền sở hữu của họ. Vì vậy, bộ Nguyên tắc này cần bổ sung cho một cách tiếp cận rộng lớn hơn đối với sự vận hành của cơ chế kiểm soát và cân bằng quyền lực. Một số vấn đề khác liên quan tới quá trình ra quyết định của công ty, chẳng hạn các vấn đề môi trường, chống tham nhũng hay đạo đức, cũng được quan tâm nhưng được đề cập chi tiết hơn trong một số văn kiện khác của OECD (bao gồm bộ Các Nguyên tắc Chỉ đạo đối với Công ty Đa Quốc gia và Hiệp định Chống Hối lộ Công chức Nước ngoài trong Giao dịch Quốc tế) và văn kiện của các tổ chức quốc tế khác.

Quản trị công ty chịu sự ảnh hưởng của các mối quan hệ giữa các bên tham gia vào hệ thống quản trị. Cổ đông nắm quyền kiểm soát, có thể là các cá nhân, sở hữu gia đình, khối liên minh, hay các công ty khác hoạt động thông qua một tập đoàn hoặc sở hữu cổ phần chéo, có thể có ảnh hưởng lớn tới hoạt động công ty. Với tư cách là người sở hữu cổ phần, nhà đầu tư tổ chức ngày càng đòi hỏi có tiếng nói trong quản trị công ty ở một số thị trường. Cá nhân từng cổ đông thường không cố gắng thực hiện quyền quản trị nhưng có thể rất quan tâm tới việc được cổ đông nắm quyền kiểm soát và ban lãnh đạo đối xử công bằng. Chủ nợ đóng vai trò quan trọng trong một số hệ thống quản trị và có thể giữ vai trò như người giám sát từ bên ngoài đối với hiệu quả của công ty. Người lao động và các bên có quyền lợi liên quan khác có vai trò quan trọng, đóng góp cho sự thành công và hiệu quả lâu dài của công ty, trong khi chính phủ thiết lập khuôn khổ tổ chức và pháp lý chung cho quản trị công ty. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan này và sự tương tác của họ khác biệt rất lớn giữa các quốc gia thuộc OECD cũng như giữa các quốc gia không thuộc OECD. Các mối quan hệ này tùy thuộc một phần vào luật lệ, một phần vào sự điều chỉnh tự nguyện, và quan trọng nhất là vào tác động của thị trường.

Mức độ công ty tuân thủ các nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty tốt ngày càng là yếu tố quan trọng cho các quyết định kinh doanh. Đặc biệt là mối quan hệ giữa các thông lệ quản trị công ty và đặc điểm ngày càng mang tính quốc tế của đầu tư. Các dòng vốn từ nước ngoài giúp công ty có khả năng tiếp cận nguồn tài chính từ nhiều nhà đầu tư quốc tế. Nếu các quốc gia muốn được hưởng lợi ích đầy đủ của thị trường vốn toàn cầu và nếu họ muốn thu hút nguồn vốn lâu dài thì các hoạt động quản trị công ty phải đáng tin cậy, được hiểu rõ ở cả trong lẫn ngoài nước và tôn trọng các nguyên tắc được quốc tế công nhận. Ngay cả khi công ty không phụ thuộc vào các nguồn vốn nước ngoài thì việc tôn trọng các thông lệ quản trị công ty tốt sẽ góp phần nâng cao lòng tin của nhà đầu tư trong nước, giảm chi phí vốn, củng cố sự vận hành tốt của thị trường tài chính, và cuối cùng là đem lại nguồn tài chính ổn định hơn.

Không có mô hình quản trị công ty tốt duy nhất. Tuy nhiên, kinh nghiệm ở cả các quốc gia thuộc và không thuộc OECD đã xác định một số yếu tố chung làm nền tảng cho quản trị công ty tốt. Bộ Nguyên tắc dựa trên các yếu tố chung này và được phát triển để bao quát các mô hình khác nhau đang tồn tại. Ví dụ, bộ Nguyên tắc không đặc biệt ủng hộ một cơ cấu Hội đồng Quản trị nhất định nào và thuật ngữ “Hội đồng Quản trị” sử dụng trong tài liệu này nhằm bao quát các mô hình Hội đồng Quản trị khác nhau ở các quốc gia thuộc và không thuộc OECD. Ở hệ thống Hội đồng Quản trị hai cấp tiêu biểu tồn tại ở một số quốc gia, thuật ngữ “Hội đồng Quản trị” sử dụng trong bộ Nguyên tắc dùng để chỉ “Ban Kiểm soát” trong khi “cán bộ quản lý chủ chốt” chỉ “Ban Giám đốc”. Ở hệ thống Hội đồng Quản trị thống nhất một cấp do cơ quan kiểm toán nội bộ giám sát, các nguyên tắc áp dụng cho Hội đồng Quản trị, với những sửa đổi phù hợp, cũng có thể sử dụng được.

Bộ Nguyên tắc này không mang tính bắt buộc và không nhằm vào các quy định chi tiết của luật pháp quốc gia. Bộ Nguyên tắc cố gắng xác định các mục tiêu và gợi ý các cách khác nhau để đạt được chúng. Mục đích của Bộ nguyên tắc là đóng vai trò tham khảo. Chúng có thể được sử dụng bởi các nhà hoạch định chính sách khi xem xét và phát triển khuôn khổ pháp lý và quản lý cho quản trị công ty, phản ánh tình hình kinh tế, xã hội, luật pháp và văn hóa nước họ, cũng như bởi các bên tham gia thị trường khi họ phát triển thông lệ thị trường của mình.

Bộ Nguyên tắc này về bản chất luôn phát triển và cần được xem xét lại khi tình hình có sự thay đổi quan trọng. Để duy trì cạnh tranh trong một thế

giới biến động, các công ty phải cải cách và điều chỉnh thông lệ quản trị công ty của họ để chúng có thể đáp ứng được các yêu cầu mới và giành được các cơ hội mới. Tương tự như vậy, chính phủ có trách nhiệm quan trọng trong việc phát triển một khuôn khổ quản lý hiệu quả và linh hoạt cho phép thị trường hoạt động hiệu quả, và đáp ứng được sự mong đợi của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan. Quyết định áp dụng bộ Nguyên tắc này để phát triển khuôn khổ quản trị công ty của chính mình như thế nào phụ thuộc vào chính phủ và các bên tham gia thị trường, có cân nhắc đến chi phí và lợi ích.

Tài liệu sau đây được chia thành hai phần. Các Nguyên tắc được trình bày trong phần đầu của tài liệu bao quát các lĩnh vực sau: I) Đảm bảo cơ sở cho một khuôn khổ quản trị công ty hiệu quả; II) Quyền của cổ đông và các chức năng sở hữu chính; III) Đối xử bình đẳng đối với cổ đông; IV) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan; V) Công bố thông tin và tính minh bạch; và VI) Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị. Mỗi phần được mở đầu bằng một Nguyên tắc dưới dạng chữ in nghiêng đậm và theo sau là một số tiểu nguyên tắc bổ trợ. Ở phần hai của tài liệu, các Nguyên tắc được bổ sung bằng những hướng dẫn chi tiết bao gồm phần dẫn giải các Nguyên tắc nhằm giúp người đọc hiểu cơ sở căn bản của các Nguyên tắc. Phần dẫn giải cũng bao gồm sự mô tả các xu thế quan trọng và đưa ra các phương pháp thực hiện thay thế và các ví dụ hữu ích khi áp dụng các Nguyên tắc.

Phần một

**Các Nguyên tắc Quản trị
Công ty của OECD**

I. Đảm bảo Cơ sở cho một Khuôn khổ Quản trị Công ty Hiệu quả

Khuôn khổ quản trị công ty cần thúc đẩy tính minh bạch và hiệu quả của thị trường, phù hợp với quy định của pháp luật, và phân định rõ ràng trách nhiệm giữa các cơ quan giám sát, quản lý và cưỡng chế thực thi.

- A. Khuôn khổ quản trị công ty cần được phát triển dựa trên quan điểm về tác động của nó đối với hiệu quả kinh tế nói chung, tính toàn vẹn của thị trường và các cơ chế khuyến khích mà khuôn khổ này tạo ra cho các bên tham gia thị trường, và sự thúc đẩy thị trường minh bạch và hiệu quả.
- B. Các quy định pháp lý và quản lý tác động tới thông lệ quản trị công ty cần phù hợp với quy định của pháp luật, minh bạch và có khả năng cưỡng chế thực thi.
- C. Việc phân định trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý khác nhau phải được quy định rõ ràng và đảm bảo phục vụ lợi ích của công chúng.
- D. Các cơ quan giám sát, quản lý và cưỡng chế thực thi phải liên chính, có đủ thẩm quyền, và nguồn lực để hoàn thành chức năng của mình một cách chuyên nghiệp và khách quan. Hơn nữa, các quyết định của những cơ quan này phải kịp thời, minh bạch và được giải thích đầy đủ.

II. Quyền của Cổ đông và các Chức năng Sở hữu Cơ bản

Khuôn khổ quản trị công ty phải bảo vệ và tạo điều kiện thực hiện quyền của cổ đông.

- A.** Các quyền cơ bản của cổ đông bao gồm quyền được: 1) Đảm bảo các phương thức đăng ký quyền sở hữu; 2) Chuyển nhượng cổ phần; 3) Tiếp cận các thông tin liên quan và quan trọng về công ty một cách kịp thời và thường xuyên; 4) Tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; 5) Bầu và bãi miễn các thành viên Hội đồng Quản trị; 6) Hưởng lợi nhuận của công ty.
- B.** Cổ đông phải có quyền tham gia và được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định liên quan tới những thay đổi cơ bản của công ty, ví dụ: 1) Sửa đổi các quy định hay điều lệ của công ty hay các văn bản quản trị tương đương của công ty; 2) Cho phép phát hành thêm cổ phiếu; 3) Các giao dịch bất thường, bao gồm việc chuyển nhượng tất cả hay một phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty.
- C.** Cổ đông phải có cơ hội tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết:
1. Cổ đông cần được thông tin đầy đủ và kịp thời về thời gian, địa điểm và chương trình của các Đại hội đồng cổ đông cũng như thông tin đầy đủ và kịp thời về các vấn đề phải được thông qua tại các đại hội này.
 2. Cổ đông phải có cơ hội đặt câu hỏi cho Hội đồng Quản trị, kể cả câu hỏi liên quan tới kiểm toán độc lập hàng năm, kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông, và đề xuất các giải pháp trong giới hạn hợp lý.
 3. Phải tạo điều kiện cho cổ đông tham gia hiệu quả vào việc ra quyết định quản trị công ty ví dụ việc đề cử và bầu chọn thành viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông có thể đưa ra quan điểm của mình đối với chính sách thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý chủ chốt. Thưởng cổ phiếu hay quyền mua cổ phiếu trong kế hoạch thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và người lao động phải được sự chấp thuận của cổ đông.

4. Cổ đông có thể biểu quyết trực tiếp hay vắng mặt và việc biểu quyết trực tiếp hay vắng mặt đều có hiệu lực ngang nhau.
- D.** Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai.
- E.** Thị trường giao dịch đầu tư công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch.
1. Quy định và thủ tục đối với việc đầu tư công ty trong thị trường vốn và các giao dịch bất thường như sáp nhập và bán phần lớn tài sản của công ty phải được quy định và công bố rõ ràng để các nhà đầu tư hiểu được quyền và sự trợ giúp đối với mình. Các giao dịch phải diễn ra với mức giá minh bạch, trong điều kiện công bằng, bảo vệ quyền lợi của tất cả các cổ đông theo loại của họ.
 2. Không được sử dụng các công cụ chống đầu tư để bảo vệ Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị khỏi trách nhiệm của họ.
- F.** Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức.
1. Các nhà đầu tư tổ chức, hoạt động ủy thác cần công bố thông tin về quản trị công ty và chính sách biểu quyết đối với các khoản đầu tư của họ, bao gồm cả thủ tục quyết định việc sử dụng quyền biểu quyết.
 2. Các nhà đầu tư tổ chức hoạt động ủy thác cần công bố cách thức quản lý các xung đột lợi ích quan trọng có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện các quyền sở hữu cơ bản liên quan tới các khoản đầu tư của họ.
- G.** Cổ đông, bao gồm cả cổ đông tổ chức, phải được trao đổi với nhau về các vấn đề liên quan tới quyền cổ đông cơ bản như nêu trong bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty này, trừ trường hợp ngoại lệ nhằm ngăn ngừa lạm dụng.

III. Đối xử Bình đẳng đối với Cổ đông

Khuôn khổ quản trị công ty cần đảm bảo sự đối xử bình đẳng đối với mọi cổ đông, trong đó có cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài. Mọi cổ đông phải có cơ hội khiếu nại hiệu quả khi quyền của họ bị vi phạm.

A. Tất cả các cổ đông cùng loại cần được đối xử bình đẳng như nhau.

1. Mọi cổ phiếu cùng loại và cùng một đợt phát hành đều có quyền như nhau. Nhà đầu tư trước khi mua cần được cung cấp thông tin đầy đủ về các quyền gắn liền với tất cả các đợt phát hành và loại cổ phiếu. Bất cứ thay đổi nào về quyền biểu quyết phải được sự thông qua của các cổ đông sở hữu loại cổ phiếu bị ảnh hưởng bất lợi bởi sự thay đổi đó.
2. Cổ đông thiểu số phải được bảo vệ khỏi các hành động lạm dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi hoặc vì lợi ích của các cổ đông nắm quyền kiểm soát và họ cần có các phương tiện khiếu nại hiệu quả.
3. Các tổ chức lưu ký hoặc được chỉ định đại diện cho cổ đông phải biểu quyết theo cách đã thỏa thuận với cổ đông mà họ đại diện.
4. Những trở ngại đối với biểu quyết từ nước ngoài cần được loại bỏ.
5. Các quy trình và thủ tục của Đại hội đồng cổ đông phải đảm bảo sự đối xử bình đẳng với mọi cổ đông. Các thủ tục của công ty không được gây khó dễ hoặc phát sinh chi phí không cần thiết khi biểu quyết.

B. Cần ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân.

C. Thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý cấp cao phải công khai cho Hội đồng Quản trị biết họ có lợi ích đáng kể nào trong bất kỳ một giao dịch hay vấn đề gì ảnh hưởng trực tiếp tới công ty hay không, cho dù là trực tiếp, gián tiếp hay thay mặt cho bên thứ ba.

IV. Vai trò của các Bên có Quyền lợi Liên quan trong Quản trị Công ty

Khuôn khổ quản trị công ty phải công nhận quyền của các bên có quyền lợi liên quan đã được pháp luật hay quan hệ hợp đồng quy định và phải khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo dựng tài sản, việc làm và ổn định tài chính cho doanh nghiệp.

- A. Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng.
- B. Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm.
- C. Cần xây dựng các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động.
- D. Khi các bên có quyền lợi liên quan tham gia vào quá trình quản trị công ty, họ phải được tiếp cận với thông tin phù hợp, đầy đủ và đáng tin cậy một cách kịp thời và thường xuyên.
- E. Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những mối quan ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được phép ảnh hưởng tới quyền của họ.
- F. Khuôn khổ quản trị công ty cần được hỗ trợ bằng một khuôn khổ về phá sản hiệu quả và thực thi hiệu quả quyền của chủ nợ.

V. Công bố Thông tin và Tính minh bạch

Khuôn khổ quản trị công ty phải đảm bảo việc công bố thông tin kịp thời và chính xác về mọi vấn đề quan trọng liên quan đến công ty, bao gồm tình hình tài chính, tình hình hoạt động, sở hữu và quản trị công ty.

- A.** Công bố thông tin phải bao gồm, nhưng không hạn chế, các thông tin quan trọng về:
 - 1. Kết quả tài chính và hoạt động của công ty.
 - 2. Mục tiêu của công ty.
 - 3. Sở hữu cổ phần đa số và quyền biểu quyết.
 - 4. Chính sách thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao, bao gồm trình độ, quy trình tuyển chọn, các vị trí đang nắm giữ tại công ty khác và liệu họ có được Hội đồng Quản trị coi là độc lập hay không.
 - 5. Các giao dịch với các bên liên quan.
 - 6. Các yếu tố rủi ro có thể tiên liệu.
 - 7. Các vấn đề liên quan đến người lao động và các bên có quyền lợi liên quan khác.
 - 8. Cơ cấu và chính sách quản trị, cụ thể là nội dung của bất kỳ quy tắc hoặc chính sách quản trị nào và quy trình thực hiện nó.
- B.** Thông tin phải được chuẩn bị và công bố phù hợp với các tiêu chuẩn chất lượng cao về công bố thông tin kế toán, tài chính và phi tài chính.
- C.** Kiểm toán hàng năm phải được tiến hành bởi một đơn vị kiểm toán độc lập, đủ năng lực và có chất lượng cao nhằm cung cấp ý kiến đánh giá độc lập và khách quan cho Hội đồng Quản trị và các cổ đông, đảm bảo rằng các báo cáo tài chính đã thể hiện một cách trung thực tình hình tài chính và hoạt động của công ty về mọi mặt chủ chốt.
- D.** Đơn vị kiểm toán độc lập phải chịu trách nhiệm đối với cổ đông và có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm toán một cách chuyên nghiệp đối với công ty.
- E.** Các kênh phổ biến thông tin phải tạo điều kiện tiếp cận thông tin bình đẳng, kịp thời và hiệu quả chi phí cho người sử dụng.

- F. Khuôn khổ quản trị công ty phải được bổ sung bằng các biện pháp thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ phân tích hay tư vấn do các tổ chức phân tích, môi giới chứng khoán, định mức tín nhiệm v...v cung cấp. Các phân tích, tư vấn có liên quan tới quyết định của nhà đầu tư này phải không bị ảnh hưởng bởi những xung đột lợi ích quan trọng có thể tác động đến tính trung thực của ý kiến phân tích hoặc tư vấn của họ.

VI. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Khuôn khổ quản trị công ty cần đảm bảo định hướng chiến lược của công ty, giám sát có hiệu quả công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với công ty và cổ đông.

- A.** Thành viên Hội đồng Quản trị phải làm việc với thông tin đầy đủ, tin cậy, siêng năng và cẩn trọng, và vì lợi ích cao nhất của công ty và cổ đông.
- B.** Khi quyết định của Hội đồng Quản trị có thể ảnh hưởng tới các nhóm cổ đông khác nhau theo các cách khác nhau thì Hội đồng Quản trị phải đối xử bình đẳng với mọi cổ đông.
- C.** Hội đồng Quản trị phải áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức cao, phải quan tâm tới lợi ích của cổ đông.
- D.** Hội đồng Quản trị phải thực hiện các chức năng chủ yếu bao gồm:
 - 1. Xem xét và định hướng chiến lược công ty, các kế hoạch hoạt động cơ bản, chính sách rủi ro, ngân sách và kế hoạch kinh doanh hàng năm; đặt ra các mục tiêu hoạt động, theo dõi việc thực hiện mục tiêu và hoạt động của công ty; giám sát các hoạt động đầu tư vốn, thâm tóm và thoái vốn chủ yếu.
 - 2. Giám sát hiệu quả thực tiễn quản trị công ty và thực hiện các thay đổi khi cần thiết.
 - 3. Lựa chọn, trả lương, giám sát và thay thế các cán bộ quản lý chủ chốt khi cần thiết và giám sát kế hoạch chọn người kế nhiệm.
 - 4. Gắn mức thù lao của cán bộ quản lý cấp cao và Hội đồng Quản trị với lợi ích lâu dài của công ty và cổ đông.
 - 5. Đảm bảo sự nghiêm túc và minh bạch của quy trình đề cử và bầu chọn Hội đồng Quản trị.
 - 6. Giám sát và xử lý các xung đột lợi ích tiềm ẩn của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và cổ đông, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lợi dụng các giao dịch với bên có liên quan.
 - 7. Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của công ty, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập, và bảo đảm rằng các

hệ thống kiểm soát phù hợp luôn hoạt động, đặc biệt là các hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tài chính và hoạt động, tuân thủ theo pháp luật và các tiêu chuẩn liên quan.

8. Giám sát quy trình công bố thông tin và truyền đạt thông tin.
- E. Hội đồng Quản trị phải có khả năng đưa ra phán quyết độc lập, khách quan về các vấn đề của công ty.
1. Hội đồng Quản trị phải xem xét việc bổ nhiệm một số lượng đủ các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có khả năng đưa ra phán quyết độc lập đối với các vấn đề khi tiềm ẩn xung đột về lợi ích. Ví dụ về các trách nhiệm chủ chốt của Hội đồng quản trị là đảm bảo tính trung thực của các báo cáo tài chính và phi tài chính, xem xét lại các giao dịch với các bên có liên quan, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý chủ chốt và thù lao cho Hội đồng Quản trị.
 2. Khi các ủy ban của Hội đồng Quản trị được thành lập, thẩm quyền, thành phần và quy trình hoạt động của các ủy ban phải được Hội đồng Quản trị quy định và công bố rõ ràng.
 3. Thành viên Hội đồng Quản trị phải cam kết thực hiện các trách nhiệm của mình một cách hiệu quả.
- F. Để thực hiện trách nhiệm của mình, thành viên Hội đồng Quản trị phải được tiếp cận với thông tin chính xác, phù hợp và kịp thời.

Phần hai

**Hướng dẫn chi tiết các Nguyên tắc
Quản trị Công ty của OECD**

I. Đảm bảo Cơ sở cho một Khuôn khổ Quản trị Công ty Hiệu quả

Khuôn khổ quản trị công ty cần thúc đẩy tính minh bạch và hiệu quả của thị trường, phù hợp với quy định của pháp luật, và phân định rõ ràng trách nhiệm giữa các cơ quan giám sát, quản lý và cưỡng chế thực thi.

Để đảm bảo có được một khuôn khổ quản trị công ty hiệu quả, cần thiết lập một nền tảng pháp lý, quản lý và thể chế phù hợp và hiệu quả để các bên tham gia thị trường có thể dựa vào đó thiết lập các quan hệ hợp đồng cá nhân của mình. Khuôn khổ quản trị công ty thường bao gồm các yếu tố luật lệ, thỏa ước tự điều tiết, cam kết tự nguyện và thông lệ kinh doanh, là kết quả của tình hình cụ thể, lịch sử và truyền thống của mỗi quốc gia. Sự kết hợp giữa các yếu tố này trong lĩnh vực quản trị công ty thường khác nhau giữa các quốc gia. Khi có thêm bề dày kinh nghiệm cũng như khi tình hình kinh doanh thay đổi, nội dung và cơ cấu của khuôn khổ này có thể phải thay đổi.

Các quốc gia nỗ lực thực thi bộ Nguyên tắc này cần giám sát khuôn khổ quản trị công ty của mình, bao gồm các quy định về quản lý, niêm yết và các thông lệ kinh doanh, với mục tiêu duy trì và tăng cường sự đóng góp của khuôn khổ này vào tính toàn vẹn và hiệu quả của thị trường. Một phần của công việc này là chú trọng đến sự tương tác và kết hợp giữa các yếu tố của khuôn khổ quản trị công ty, và khả năng của khuôn khổ đó trong việc thúc đẩy các thông lệ quản trị công ty có đạo đức, trách nhiệm và minh bạch. Việc phân tích như vậy cần được coi là công cụ quan trọng trong quá trình phát triển khuôn khổ quản trị công ty hiệu quả. Để đạt được mục tiêu này thì việc tham vấn rộng rãi, hiệu quả và liên tục là một việc làm cần thiết, được coi là thông lệ tốt. Ngoài ra, khi phát triển khuôn khổ quản trị công ty, các cơ quan lập pháp và quản lý cần quan tâm một cách đúng đắn đến việc đối thoại và hợp tác quốc tế. Nếu các điều kiện này được đáp ứng, hệ thống quản trị công ty sẽ tránh được việc quản lý quá mức, hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp và hạn chế các nguy cơ xung đột lợi ích có hại cho cả khối tư nhân lẫn các tổ chức của nhà nước.

- A. Khuôn khổ quản trị công ty cần được phát triển dựa trên quan điểm về tác động của nó đối với hiệu quả kinh tế nói chung, tính toàn vẹn của thị trường và các cơ chế khuyến khích mà khuôn**

khổ này tạo ra cho các bên tham gia thị trường, và sự thúc đẩy thị trường minh bạch và hiệu quả.

Việc tổ chức hoạt động kinh tế theo mô hình công ty là động lực phát triển mạnh mẽ. Vì vậy môi trường quản lý và pháp lý nơi các công ty hoạt động có vai trò quan trọng thiết yếu đối với hiệu quả kinh tế nói chung. Cơ quan hoạch định chính sách có trách nhiệm xây dựng một khuôn khổ đủ linh hoạt để đáp ứng yêu cầu của các công ty hoạt động trong những điều kiện khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty phát triển và sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả nhất. Để đạt được mục tiêu này, cơ quan hoạch định chính sách cần tập trung vào hiệu quả kinh tế cuối cùng và khi xem xét các lựa chọn chính sách cần phải phân tích tác động của chúng đối với những yếu tố chính ảnh hưởng tới hoạt động của thị trường như các cơ chế ưu đãi, hiệu quả của các hệ thống tự điều tiết, và giải quyết các xung đột lợi ích hệ thống. Thị trường minh bạch và hiệu quả có vai trò kiểm soát các bên tham gia thị trường và nâng cao tinh thần trách nhiệm của họ.

B. Các quy định pháp lý và quản lý tác động tới thông lệ quản trị công ty cần phù hợp với quy định của pháp luật, minh bạch và có khả năng cưỡng chế thực thi.

Nếu cần thiết phải có luật và quy định mới, chẳng hạn để giải quyết các trường hợp không hoàn hảo của thị trường, thì các luật và quy định đó cần phải được xây dựng theo một cách nào đó để có thể ban hành và cưỡng chế thực thi một cách hiệu quả và công bằng đối với tất cả các bên. Việc chính phủ và cơ quan quản lý tham vấn rộng rãi các công ty, tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp và các bên có liên quan khác là một cách hiệu quả để thực hiện mục tiêu trên. Các thể chế để các bên bảo vệ quyền của họ cũng cần được thiết lập. Để tránh các vấn đề như quản lý quá mức, luật lệ không thể cưỡng chế thực thi, hay các hệ quả không mong muốn có thể cản trở hoặc bóp méo động lực kinh doanh, khi xây dựng các biện pháp chính sách cần phải tính đến những cái được và mất chung. Các đánh giá như vậy phải quan tâm tới nhu cầu cưỡng chế thực thi hiệu quả, bao gồm khả năng các cơ quan ngăn chặn hành vi thiếu trung thực và thực thi các biện pháp trừng phạt vi phạm một cách hiệu quả.

Các mục tiêu quản trị công ty cũng được xây dựng trong các quy chế và tiêu chuẩn tự nguyện không có tính luật định. Mặc dù các quy chế như vậy đóng vai trò quan trọng trong việc cải tiến thực tiễn quản trị công ty, các quy chế này có thể khiến cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan cảm thấy không chắc chắn về vai trò cũng như tính thực thi của các quy chế đó.

Khi các quy chế và nguyên tắc được sử dụng như một tiêu chuẩn quốc gia hoặc như một sự thay thế rõ ràng cho các điều khoản pháp lý và quản lý thì để có được lòng tin của thị trường cần phải xác định rõ vai trò của các quy chế và nguyên tắc đó về phạm vi ảnh hưởng, thực hiện, tuân thủ và các biện pháp trừng phạt.

C. Việc phân định trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý khác nhau phải được quy định rõ ràng và đảm bảo phục vụ lợi ích của công chúng.

Các yêu cầu và thực tiễn quản trị công ty thường bị chi phối bởi một loạt các văn bản pháp lý như luật công ty, luật chứng khoán, tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán, luật phá sản, luật hợp đồng, luật lao động và luật thuế. Do vậy sẽ nảy sinh nguy cơ quy định của các luật này chồng chéo và thậm chí mâu thuẫn nhau. Điều này có thể làm vô hiệu khả năng thực hiện các mục tiêu của quản trị công ty. Việc các nhà hoạch định chính sách nhận biết và tiến hành các biện pháp để hạn chế nguy cơ này là rất quan trọng. Cưỡng chế thực thi hiệu quả cũng đòi hỏi phải phân định trách nhiệm rõ ràng giữa các cơ quan quản lý khác nhau để các cơ quan này có thể hoạt động và hỗ trợ nhau hiệu quả nhất. Các quy định chồng chéo và có thể mâu thuẫn nhau của các luật lệ liên quan đến quản trị công ty cũng là một vấn đề cần được kiểm soát để không một khoảng không pháp lý nào được phép hình thành (có nghĩa là có vấn đề xảy ra mà không một cơ quan chức năng nào chịu trách nhiệm rõ ràng), và để giảm thiểu chi phí tuân thủ của công ty.

Khi trách nhiệm pháp lý hoặc giám sát được ủy thác cho các tổ chức không phải của nhà nước thì nên phân tích rõ ràng tại sao và trong trường hợp nào thì việc ủy thác như vậy là nên làm. Cơ cấu quản trị của bất kỳ tổ chức được ủy thác nào cũng cần phải minh bạch và phục vụ lợi ích của công chúng.

D. Các cơ quan giám sát, quản lý và cưỡng chế thực thi phải liên chính, có đủ thẩm quyền, và nguồn lực để hoàn thành chức năng của mình một cách chuyên nghiệp và khách quan. Hơn nữa, các quyết định của những cơ quan này phải kịp thời, minh bạch và được giải thích đầy đủ.

Trách nhiệm pháp lý cần được giao cho những cơ quan có thể thực hiện được chức năng của mình mà không có xung đột về lợi ích và được giám sát bởi pháp luật. Khi số lượng các công ty đại chúng, các sự kiện công ty và mức độ công bố thông tin tăng lên thì các cơ quan giám sát, quản lý và

cưỡng chế thực thi có thể phải chịu nhiều áp lực về nguồn lực. Để theo kịp sự phát triển của thị trường, các cơ quan này sẽ có nhu cầu lớn về nhân lực có trình độ để có thể thực hiện hiệu quả công tác điều tra và giám sát. Do đó họ cần được cấp kinh phí đầy đủ. Khả năng thu hút nhân lực trên cơ sở cạnh tranh sẽ tăng cường chất lượng và sự độc lập giữa giám sát và cưỡng chế thực thi.

II. Quyền của Cổ đông và các Chức năng Sở hữu Cơ bản

Khuôn khổ quản trị công ty phải bảo vệ và tạo điều kiện thực hiện quyền của cổ đông.

Các nhà đầu tư cổ phiếu có các quyền nhất định. Ví dụ, cổ phần trong một công ty cổ phần có thể được mua, bán hoặc chuyển nhượng. Cổ phần cũng giúp cho nhà đầu tư có thể được hưởng lợi nhuận của công ty với trách nhiệm hữu hạn đối với khoản đầu tư. Ngoài ra, việc sở hữu cổ phần cũng giúp nhà đầu tư có quyền được cung cấp thông tin về công ty và quyền ảnh hưởng tới hoạt động của công ty, chủ yếu bằng cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết.

Tuy nhiên, trên thực tế, công ty không thể bị điều hành bởi việc trưng cầu ý kiến cổ đông. Cổ đông bao gồm các cá nhân và tổ chức có lợi ích, mục tiêu, hướng đầu tư và khả năng khác nhau. Hơn nữa, Ban Giám đốc công ty phải có khả năng đưa ra quyết định kinh doanh nhanh chóng. Do những thực tiễn này và sự phức tạp của việc điều hành công ty trong một thị trường đầy biến động, cổ đông không có trách nhiệm điều hành hoạt động của công ty. Trách nhiệm đối với chiến lược và hoạt động của công ty được đặt vào tay Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc do Hội đồng Quản trị lựa chọn, khuyến khích và khi cần thiết có thể bị Hội đồng Quản trị thay thế.

Quyền của cổ đông ảnh hưởng tới công ty tập trung vào một số vấn đề cơ bản như bầu các thành viên của Hội đồng Quản trị hoặc các cách thức khác ảnh hưởng tới việc thành lập Hội đồng Quản trị, sửa đổi các tài liệu chủ chốt của công ty, phê chuẩn các giao dịch bất thường, và các vấn đề cơ bản khác được quy định trong luật công ty hay trong quy chế nội bộ của công ty. Phần này có thể được coi là bản tuyên bố các quyền cơ bản nhất của cổ đông, được luật pháp ở hầu hết các quốc gia thuộc OECD công nhận. Các quyền bổ sung như chấp thuận hoặc bầu chọn kiểm toán viên, đề cử trực tiếp thành viên Hội đồng Quản trị, khả năng thế chấp cổ phần, phê chuẩn phương án phân phối lợi nhuận v.v có thể tìm thấy trong luật lệ ở một số quốc gia khác nhau.

- A. Các quyền cơ bản của cổ đông bao gồm quyền được:** 1) đảm bảo các phương thức đăng ký quyền sở hữu; 2) chuyển nhượng cổ phần; 3) tiếp cận các thông tin liên quan và quan trọng về công ty

một cách kịp thời và thường xuyên; 4) tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; 5) bầu và bãi miễn các thành viên Hội đồng Quản trị; và 6) hưởng lợi nhuận của công ty.

- B. Cổ đông phải có quyền tham gia và được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định liên quan tới những thay đổi cơ bản của công ty, ví dụ: 1) sửa đổi các quy định, điều lệ của công ty hay các văn bản quản trị tương đương của công ty; 2) cho phép phát hành thêm cổ phiếu; 3) các giao dịch bất thường, bao gồm việc chuyển nhượng tất cả hay một phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty.**

Khả năng thành lập công ty con và chuyển tài sản hoạt động, doanh thu, quyền và nghĩa vụ khác cho công ty con đó là rất quan trọng đối với sự linh hoạt kinh doanh và phân giao trách nhiệm trong các tổ chức kinh doanh phức hợp. Điều này cũng cho phép một công ty chuyển giao hết tài sản hoạt động và trở thành một công ty mẹ không trực tiếp kinh doanh mà chỉ nắm quyền sở hữu các công ty con. Tuy nhiên, nếu không có cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp thì các khả năng trên cũng có thể bị lạm dụng.

- C. Cổ đông phải có cơ hội tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết:**

- 1. Cổ đông cần được thông tin đầy đủ và kịp thời về thời gian, địa điểm và chương trình của các Đại hội đồng cổ đông cũng như thông tin đầy đủ và kịp thời về các vấn đề cần được thông qua tại các đại hội này.**
- 2. Cổ đông phải có cơ hội đặt câu hỏi cho Hội đồng Quản trị, kể cả câu hỏi liên quan tới kiểm toán độc lập hàng năm, kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông, và đề xuất các giải pháp trong giới hạn hợp lý.**

Để khuyến khích việc tham gia của cổ đông vào Đại hội đồng cổ đông, một số công ty đã tạo thuận lợi hơn cho cổ đông trong việc kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình nghị sự bằng cách đơn giản hóa thủ tục đệ trình sửa đổi và đề xuất giải pháp. Các cải tiến khác cũng được thực hiện nhằm giúp cho cổ đông dễ dàng hơn trong việc gửi câu hỏi trước khi Đại hội đồng cổ đông được tiến hành và nhận được câu trả lời từ Ban Giám đốc và thành viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông phải được đặt câu hỏi liên quan đến

báo cáo kiểm toán độc lập. Tuy nhiên công ty cũng có thể áp dụng những biện pháp thích hợp để đảm bảo các quyền này không bị lạm dụng. Ví dụ, sẽ là hợp lý khi quy định đề xuất giải pháp của cổ đông chỉ được đưa vào chương trình nghị sự khi giải pháp đó được sự ủng hộ của cổ đông nắm giữ một phần giá trị thị trường nhất định, hoặc một tỷ lệ phần trăm cổ phần hoặc quyền biểu quyết nhất định.

Khi xác định các ngưỡng này cần xem xét mức độ tập trung sở hữu để đảm bảo rằng cổ đông thiểu số thực tế không bị ngăn cản khi đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình nghị sự. Hội đồng Quản trị phải thực thi các Nghị quyết của cổ đông được thông qua trong thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Phải tạo điều kiện cho cổ đông tham gia hiệu quả vào việc ra quyết định quản trị công ty, ví dụ việc đề cử và bầu chọn thành viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông có thể đưa ra quan điểm của mình đối với chính sách thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý chủ chốt. Thường cổ phiếu hoặc quyền mua cổ phiếu trong kế hoạch thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và người lao động phải được sự chấp thuận của cổ đông.

Bầu thành viên Hội đồng Quản trị là quyền cổ đông cơ bản. Để quá trình bầu cử có hiệu quả, cổ đông cần được tham gia vào việc đề cử thành viên Hội đồng Quản trị và biểu quyết cho từng ứng cử viên hoặc các danh sách ứng cử viên khác nhau. Để thực hiện điều này, ở một số quốc gia, cổ đông được tiếp cận các tài liệu ủy quyền của công ty gửi cho cổ đông, mặc dù đôi khi cũng đặt ra một số điều kiện nhất định để ngăn ngừa lạm dụng. Đối với việc đề cử ứng viên, Hội đồng Quản trị của nhiều công ty thành lập ủy ban đề cử để đảm bảo tuân thủ các thủ tục đề cử đã được xây dựng và để tạo điều kiện thuận lợi và tổ chức hiệu quả việc tìm kiếm một Hội đồng Quản trị cân bằng và có trình độ. Ở nhiều quốc gia việc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập có vai trò then chốt trong ủy ban này ngày càng được coi là một thông lệ tốt. Để cải tiến quá trình bầu cử hơn nữa, Nguyên tắc Quản trị Công ty OECD cũng đòi hỏi phải công bố đầy đủ kinh nghiệm và lai lịch của các ứng cử viên Hội đồng Quản trị và quy trình đề cử. Việc này sẽ giúp cung cấp đầy đủ thông tin cho việc đánh giá năng lực và sự phù hợp của từng ứng cử viên.

Nguyên tắc Quản trị Công ty OECD đòi hỏi Hội đồng Quản trị phải công bố thông tin về chính sách thù lao. Đặc biệt, việc cổ đông biết mối liên hệ giữa mức thù lao và hiệu quả của công ty khi họ đánh giá năng lực

của Hội đồng Quản trị và các phẩm chất họ cần trong ứng cử viên Hội đồng Quản trị là rất quan trọng. Mặc dù hợp đồng của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc không phải là vấn đề để Đại hội đồng cổ đông thông qua nhưng cần phải có phương thức để cổ đông thể hiện quan điểm của họ. Một số quốc gia đưa ra phiếu bầu tự vẫn thể hiện cường độ và sắc thái tình cảm của cổ đông lên Hội đồng Quản trị mà không ảnh hưởng tới hợp đồng lao động. Đối với các chương trình thưởng cổ phiếu hoặc quyền mua cổ phiếu, do chúng có khả năng pha loãng cổ phiếu công ty và là một công cụ quản lý có tác động mạnh mẽ, nên các chương trình này cần được cổ đông chấp thuận, đối với từng cá nhân hoặc đối với toàn bộ chương trình. Ngày càng có nhiều nước quy định bất kỳ một sự thay đổi quan trọng nào trong chương trình thưởng liên quan đến cổ phiếu phải được cổ đông chấp thuận.

4. Cổ đông có thể biểu quyết trực tiếp hay vắng mặt và việc biểu quyết trực tiếp hay vắng mặt đều có hiệu lực ngang nhau.

Nguyên tắc Quản trị Công ty OECD khuyến nghị chấp thuận biểu quyết qua đại diện được ủy quyền. Trên thực tế, việc nhà đầu tư có thể tin tưởng biểu quyết qua đại diện ủy quyền do họ chỉ định là rất quan trọng đối với việc nâng cao và bảo vệ quyền cổ đông. Khuôn khổ quản trị công ty cần đảm bảo rằng đại diện được ủy quyền phải biểu quyết theo đúng hướng dẫn của người ủy quyền. Khi đại diện ủy quyền được phép biểu quyết không cần hướng dẫn của cổ đông thì cách thức tiến hành việc biểu quyết này như thế nào phải được công bố công khai. Tại các nước mà công ty được phép đại diện ủy quyền cho cổ đông, việc công bố thông tin về cách thức Chủ tọa cuộc họp (là người thường tiếp nhận ủy quyền của cổ đông thay mặt công ty) sẽ thực thi quyền biểu quyết với tư cách là đại diện ủy quyền không cần hướng dẫn của cổ đông là rất quan trọng. Trường hợp Hội đồng Quản trị hoặc Ban Giám đốc là người được ủy quyền đối với quỹ hưu trí của công ty và Chương trình cổ phiếu thưởng của người lao động thì hướng dẫn chỉ đạo biểu quyết cần được công bố công khai.

Với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của cổ đông, công ty cần sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong biểu quyết, kể cả biểu quyết điện tử.

D. Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai.

Một số cơ cấu vốn cho phép cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu. Các cơ cấu kim tự tháp, sở hữu cổ phần chéo và cổ phần với quyền biểu quyết có giới hạn hoặc cổ phần với nhiều quyền biểu quyết có thể được sử dụng để giảm bớt khả năng tác động tới chính sách công ty của các cổ đông không có quyền kiểm soát.

Ngoài quan hệ sở hữu, còn có các công cụ khác có thể ảnh hưởng tới việc kiểm soát công ty. Thỏa ước cổ đông thường là cách phổ biến giúp các nhóm cổ đông, mà từng cá nhân có thể chỉ nắm giữ một phần nhỏ cổ phần, hoạt động phối hợp để tạo thành một đa số có ảnh hưởng lớn hoặc ít nhất là khối cổ đông riêng lẻ lớn nhất. Thỏa ước cổ đông thường đem lại cho người tham gia thỏa ước quyền ưu đãi mua cổ phiếu nếu cổ đông khác trong thỏa ước muốn bán. Các thỏa ước này cũng có thể bao gồm các điều khoản yêu cầu người tham gia không bán cổ phần trong một khoảng thời gian nhất định. Thỏa ước cổ đông có thể bao hàm các vấn đề như cách thức bầu chọn Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Thỏa ước cũng có thể bắt buộc người tham gia phải biểu quyết theo cả khối. Một số quốc gia nhận thấy cần phải giám sát chặt chẽ những thỏa ước này và giới hạn thời gian của các thỏa ước.

Giới hạn biểu quyết hạn chế số lượng phiếu bầu của một cổ đông bất kể số lượng cổ phần người đó có thể thực sự sở hữu. Vì vậy giới hạn biểu quyết phân chia lại quyền kiểm soát và có thể ảnh hưởng tới động lực tham gia đại hội cổ đông của các cổ đông.

Do khả năng chi phối khá lớn của các công cụ phân chia lại ảnh hưởng của cổ đông đối với chính sách công ty, cổ đông có đủ lý do để yêu cầu các cơ cấu vốn và thỏa ước như vậy phải được công bố.

E. Thị trường giao dịch thu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch.

- 1. Các quy định và thủ tục đối với việc thu tóm quyền kiểm soát công ty trong thị trường vốn và các giao dịch bất thường như sáp nhập và bán phần lớn tài sản của công ty phải được quy định và công bố rõ ràng để các nhà đầu tư hiểu được quyền và sự trợ giúp đối với mình. Các giao dịch phải diễn ra với mức giá**

minh bạch và trong điều kiện công bằng, bảo vệ quyền lợi của tất cả các cổ đông theo loại của họ.

2. Không được sử dụng các công cụ chống đầu tư để bảo vệ Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị khỏi trách nhiệm của họ.

Ở một số quốc gia, công ty được sử dụng các công cụ chống đầu tư. Tuy nhiên, cả nhà đầu tư và thị trường chứng khoán đều bày tỏ quan ngại về khả năng sử dụng rộng rãi các công cụ chống đầu tư có thể là một trở ngại lớn đối với chức năng của thị trường trong việc kiểm soát công ty. Trong một số trường hợp, các công cụ đầu tư chỉ đơn thuần là công cụ bảo vệ Ban Giám đốc hoặc Hội đồng Quản trị khỏi sự giám sát của cổ đông. Khi thực hiện bất kỳ công cụ chống đầu tư nào hoặc khi đối phó với các đề xuất đầu tư, trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với cổ đông và công ty vẫn phải là quan trọng nhất.

F. Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức.

Vì nhà đầu tư có thể theo đuổi nhiều mục tiêu đầu tư khác nhau, bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty này không ủng hộ bất kỳ một chiến lược đầu tư cụ thể nào và không quy định mức độ tối ưu của hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, khi xem xét những cái được và mất khi thực hiện quyền sở hữu của mình, nhiều nhà đầu tư đưa ra kết luận rằng có thể đạt được lợi ích kinh tế và sự phát triển tích cực bằng việc phân tích hợp lý và sử dụng quyền của mình.

1. Các nhà đầu tư tổ chức hoạt động ủy thác cần công bố thông tin về quản trị công ty và chính sách biểu quyết đối với các khoản đầu tư của họ, bao gồm các thủ tục quyết định việc sử dụng quyền biểu quyết của họ.

Việc các nhà đầu tư tổ chức nắm giữ cổ phần trong các công ty ngày càng phổ biến. Vì vậy, hiệu quả và độ tin cậy của toàn bộ hệ thống quản trị công ty và giám sát công ty sẽ phụ thuộc phần lớn vào việc các nhà đầu tư tổ chức có thể sử dụng quyền cổ đông và thực thi có hiệu quả chức năng sở hữu của họ trong công ty mà họ đầu tư đến đâu. Nguyên tắc này không quy định việc các nhà đầu tư tổ chức biểu quyết cổ phần của họ như thế nào nhưng đòi hỏi phải công bố thông tin về cách thức họ thực thi quyền sở hữu có tính đến hiệu quả chi phí. Đối với tổ chức hoạt động ủy thác như quỹ hưu trí, các chương trình đầu tư tập thể và một số hoạt động của công ty

bảo hiểm, quyền biểu quyết có thể được coi là một phần giá trị của khoản đầu tư được thực hiện thay mặt khách hàng. Không thực hiện quyền sở hữu có thể gây thua lỗ cho nhà đầu tư. Vì vậy họ cần được thông báo về chính sách mà nhà đầu tư tổ chức sẽ thực hiện.

Ở một vài quốc gia, yêu cầu công bố thông tin cho thị trường về chính sách quản trị công ty rất cụ thể và bao gồm quy định phải có chiến lược rõ ràng liên quan tới các trường hợp một tổ chức sẽ can thiệp vào một công ty; phương thức họ sử dụng để thực hiện những can thiệp như vậy; và họ sẽ đánh giá hiệu quả của chiến lược đó như thế nào. Ở một số quốc gia, các nhà đầu tư tổ chức hoặc được yêu cầu công bố hồ sơ biểu quyết của họ, hoặc việc công bố như vậy được coi là một thông lệ tốt và được thực hiện trên cơ sở “áp dụng hoặc giải trình”. Thông tin được công bố hoặc cho khách hàng của họ (chỉ liên quan tới cổ phiếu của từng khách hàng), hoặc trong trường hợp các nhà tư vấn đầu tư của công ty đầu tư đã đăng ký thì thông tin được công bố cho thị trường, và thủ tục này sẽ tốn ít chi phí hơn. Một biện pháp bổ sung cho việc tham gia đại hội cổ đông là tổ chức đối thoại thường xuyên với các công ty trong danh mục đầu tư. Đối thoại như vậy giữa nhà đầu tư tổ chức và các công ty cần được khuyến khích, đặc biệt bằng cách gỡ bỏ các rào cản quản lý không cần thiết, mặc dù trách nhiệm của công ty là đối xử bình đẳng với các nhà đầu tư và không tiết lộ thông tin cho nhà đầu tư tổ chức nếu như thông tin này không được công bố cùng lúc cho thị trường. Vì vậy, thông tin bổ sung do công ty cung cấp thường bao gồm thông tin chung cơ bản về thị trường trong đó công ty hoạt động và giải thích thêm về thông tin mà thị trường đã biết.

Khi các nhà đầu tư tổ chức hoạt động ủy thác xây dựng và công bố một chính sách quản trị công ty, họ cũng phải dành nguồn nhân lực và tài chính hợp lý để thực thi chính sách đó hiệu quả theo cách mà người thụ hưởng chính sách và công ty mà họ đầu tư mong muốn.

2. Các nhà đầu tư tổ chức hoạt động ủy thác cần công bố cách thức quản lý các xung đột lợi ích quan trọng có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện các quyền sở hữu cơ bản liên quan tới các khoản đầu tư của họ.

Động lực để nhà đầu tư trung gian biểu quyết và thực hiện các quyền sở hữu cơ bản trong nhiều trường hợp có thể khác với chủ đầu tư trực tiếp. Sự khác biệt này đôi khi có thể do lý do thuần túy thương mại nhưng cũng có thể nảy sinh từ xung đột lợi ích đặc biệt nghiêm trọng khi tổ chức ủy thác

là một chi nhánh hay công ty con của một tổ chức tài chính khác, đặc biệt là một tập đoàn tài chính phức hợp. Khi những xung đột như vậy nảy sinh từ các quan hệ kinh doanh chủ chốt, ví dụ thông qua một hợp đồng quản lý quỹ cho công ty mà họ đầu tư, thì chúng cần được xác định và công bố.

Đồng thời, các nhà đầu tư tổ chức cũng cần công bố các biện pháp họ đang thực hiện để giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm tàng đối với khả năng thực hiện các chức năng sở hữu cơ bản của họ. Những biện pháp như vậy có thể bao gồm việc tách bạch thưởng do quản lý quỹ khỏi các khoản có liên quan tới việc thu tóm ngành kinh doanh mới trong tổ chức.

G. Cổ đông, bao gồm cả cổ đông tổ chức, phải được trao đổi với nhau về các vấn đề liên quan tới quyền cổ đông cơ bản như nêu trong bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty này, trừ trường hợp ngoại lệ nhằm ngăn ngừa lạm dụng.

Từ lâu người ta đã nhận thấy rằng ở các công ty có sở hữu phân tán, số cổ phần một cổ đông sở hữu trong công ty có thể quá nhỏ để người đó đầu tư chi phí và thời gian vào giám sát hoạt động công ty. Nếu các cổ đông nhỏ đầu tư nguồn lực vào các hoạt động như vậy thì những cổ đông khác cũng được hưởng lợi mà không phải đóng góp gì (họ là “người ngồi không hưởng lợi”). Tác động này, được cho là làm giảm động cơ giám sát, có thể không ảnh hưởng lắm tới việc các tổ chức, đặc biệt là tổ chức tài chính hoạt động ủy thác, quyết định có nên tăng cổ phần nắm giữ của họ trong một công ty lên và trở thành một cổ đông lớn, hay là nên đa dạng hóa danh mục bằng cách đầu tư vào công ty khác. Tuy nhiên, các chi phí khác liên quan tới việc sở hữu một số lượng cổ phần lớn trong một công ty có thể vẫn cao. Trong nhiều trường hợp, nhà đầu tư tổ chức không được làm điều này vì nó vượt quá khả năng của họ hoặc nó đòi hỏi đầu tư quá nhiều vốn vào một công ty hơn và họ cần thận trọng. Để khắc phục nhược điểm do đa dạng hóa đầu tư này, các nhà đầu tư tổ chức cần được phép, thậm chí khuyến khích hợp tác và phối hợp hoạt động của họ trong việc đề cử và bầu chọn thành viên Hội đồng Quản trị, đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình nghị sự và trao đổi trực tiếp với công ty để nâng cao chất lượng quản trị công ty. Nói chung, cổ đông phải được phép trao đổi với nhau mà không phải tuân theo các thủ tục pháp lý về ủy quyền.

Tuy nhiên cũng phải thừa nhận rằng hợp tác giữa các nhà đầu tư cũng có thể được sử dụng để gây ảnh hưởng tới thị trường và giành quyền kiểm soát công ty mà không phải tuân thủ bất kỳ quy định thu tóm nào. Ngoài

ra, sự hợp tác cũng có thể nhằm mục đích né tránh luật cạnh tranh. Vì lý do này ở một số quốc gia, khả năng nhà đầu tư tổ chức hợp tác về chiến lược biểu quyết thường bị hạn chế hoặc cấm. Thỏa ước cổ đông cũng có thể bị giám sát chặt chẽ. Tuy nhiên, nếu hợp tác không liên quan tới các vấn đề về quyền kiểm soát công ty, hay không gây tổn hại tới hiệu quả vận hành và công bằng của thị trường, thì việc hợp tác đó có thể nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu. Việc công bố thông tin về hợp tác giữa các nhà đầu tư tổ chức hoặc nhà đầu tư khác có thể phải đi kèm với các điều khoản ngăn chặn việc mua bán trong một khoảng thời gian để tránh khả năng kiểm soát thị trường.

III. Đối xử Bình đẳng đối với Cổ đông

Khuôn khổ quản trị công ty cần đảm bảo sự đối xử bình đẳng đối với mọi cổ đông, trong đó có cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài. Mọi cổ đông phải có cơ hội khiếu nại hiệu quả khi quyền của họ bị vi phạm.

Lòng tin của nhà đầu tư rằng phần vốn góp của họ sẽ được Ban Giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị hay cổ đông nắm quyền kiểm soát bảo vệ, không bị sử dụng sai hoặc không phù hợp là một yếu tố quan trọng trong thị trường vốn. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc công ty và cổ đông nắm quyền kiểm soát có thể có cơ hội thực hiện các hoạt động làm tăng lợi nhuận của họ mà gây thiệt hại cho cổ đông không có quyền kiểm soát. Để bảo vệ nhà đầu tư, quyền cổ đông thường được phân biệt giữa tiền quyền và hậu quyền. Ví dụ, tiền quyền là quyền được ưu tiên mua cổ phần trước và biểu quyết đa số cho một số quyết định nào đó. Hậu quyền cho phép khiếu nại khi quyền cổ đông bị xâm phạm. Khi việc cưỡng chế thực thi các luật lệ về quản trị công ty còn yếu kém thì một số quốc gia nhận thấy nên tăng cường tiền quyền bằng cách đặt ngưỡng sở hữu cổ phần thấp cho việc kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình nghị sự của đại hội cổ đông, hay yêu cầu một lượng cổ đông rất lớn biểu quyết cho một số vấn đề quan trọng nhất định. Bộ Nguyên tắc này ủng hộ việc đối xử bình đẳng đối với cổ đông nước ngoài và cổ đông trong nước trong quản trị công ty. Bộ Nguyên tắc không đề cập tới chính sách quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính phủ.

Một trong những cách cổ đông có thể thực hiện quyền của mình là tiến hành các thủ tục pháp lý và hành chính chống lại Ban Giám đốc và thành viên Hội đồng Quản trị. Kinh nghiệm cho thấy yếu tố quan trọng quyết định mức độ quyền cổ đông được bảo vệ như thế nào là sự tồn tại của các biện pháp khiếu nại hiệu quả những bất bình của cổ đông với chi phí hợp lý và không bị trì hoãn quá mức. Lòng tin của cổ đông thiểu số tăng lên khi hệ thống pháp lý cung cấp các cơ chế giúp họ khiếu kiện khi họ có cơ sở chính đáng để tin rằng quyền của họ bị xâm phạm. Việc cung cấp các cơ chế cưỡng chế thực thi là trách nhiệm chính của các cơ quan pháp lý và quản lý.

Tuy nhiên nếu một hệ thống pháp lý cho phép bất kỳ nhà đầu tư nào cũng có thể đưa hoạt động của công ty ra tòa thì sẽ dễ dẫn đến tình trạng tố tụng quá mức. Vì vậy nhiều hệ thống pháp lý đã ban hành các điều khoản bảo

vệ Ban Giám đốc và thành viên Hội đồng Quản trị khỏi việc lạm dụng tổ tụng dưới dạng kiểm tra mức độ đầy đủ của đơn kiện của cổ đông, được gọi là bến đỗ an toàn cho hoạt động của Ban Giám đốc và thành viên Hội đồng Quản trị, cũng như là bến đỗ an toàn cho việc công bố thông tin. Cuối cùng, việc cho phép các nhà đầu tư tiến hành khiếu nại vì quyền sở hữu của họ bị vi phạm cần phải cân bằng với việc tránh tổ tụng quá mức. Nhiều quốc gia nhận thấy các thủ tục xét xử thay thế như phiên tòa hành chính hoặc phân xử trọng tài được tổ chức bởi cơ quan quản lý chứng khoán hay các cơ quan quản lý khác là biện pháp hiệu quả để giải quyết tranh chấp, ít nhất là ở cấp độ đầu tiên.

A. Tất cả các cổ đông cùng loại cần được đối xử bình đẳng như nhau.

- 1. Mọi cổ phiếu cùng loại và cùng đợt phát hành đều có quyền như nhau. Nhà đầu tư cần được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyền gắn liền với tất cả các đợt phát hành và loại cổ phiếu trước khi họ mua. Bất cứ thay đổi nào về quyền biểu quyết phải được sự thông qua của các cổ đông sở hữu loại cổ phiếu bị ảnh hưởng bất lợi bởi sự thay đổi đó.**

Cơ cấu vốn tối ưu nhất của công ty được quyết định tốt nhất bởi Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị, với sự đồng thuận của cổ đông. Một số công ty phát hành cổ phiếu ưu đãi có quyền ưu tiên liên quan tới lợi nhuận của công ty nhưng thường không có quyền biểu quyết. Các công ty cũng có thể phát hành chứng chỉ tham gia hay cổ phiếu không có quyền biểu quyết, và các loại chứng khoán này thường được giao dịch với giá khác với giá của cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tất cả các cơ cấu này có thể hiệu quả trong việc phân bổ rủi ro và mang lại lợi ích nhất định cho công ty với chi phí tài chính thấp. Bộ Nguyên tắc này không đề cập đến khái niệm “một cổ phiếu một phiếu bầu”. Tuy nhiên, nhiều nhà đầu tư tổ chức và hiệp hội cổ đông ủng hộ khái niệm này.

Nhà đầu tư có thể yêu cầu được cung cấp thông tin về quyền biểu quyết của họ trước khi đầu tư. Một khi họ đã đầu tư thì quyền của họ không được thay đổi trừ phi họ có cơ hội tham gia vào quyết định thay đổi những quyền đó. Đề xuất thay đổi quyền biểu quyết của các đợt và loại cổ phiếu khác nhau cần được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bằng biểu quyết đa số tuyệt đối của các cổ đông nắm giữ cổ phiếu bị ảnh hưởng đó.

- 2. Cổ đông thiểu số phải được bảo vệ khỏi các hành động lạm dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi hoặc vì lợi ích của các cổ đông**

nắm quyền kiểm soát và họ cần có các phương tiện khiếu nại hiệu quả.

Nhiều công ty đại chúng có cổ đông lớn nắm quyền kiểm soát. Trong khi sự có mặt của cổ đông nắm quyền kiểm soát có thể giúp giám sát Ban Giám đốc chặt chẽ hơn thì những yếu kém trong khuôn khổ pháp lý và quản lý có thể dẫn tới việc lạm dụng các cổ đông khác trong công ty. Khả năng lạm dụng gia tăng khi hệ thống pháp lý cho phép và thị trường chấp nhận cổ đông nắm quyền kiểm soát thực hiện mức độ kiểm soát không tương ứng với mức độ rủi ro mà họ gặp phải với tư cách là chủ sở hữu bằng cách lợi dụng các công cụ pháp lý để tách quyền sở hữu khỏi quyền kiểm soát như cơ chế kim tự tháp và quyền đa biểu quyết. Việc lợi dụng này có thể được thực hiện bằng nhiều cách, bao gồm việc bòn rút lợi nhuận cá nhân trực tiếp thông qua trả lương thưởng cao cho các thành viên gia đình và cộng sự, giao dịch với bên có liên quan, thiên kiến có hệ thống trong việc đưa ra các quyết định kinh doanh, và thay đổi cơ cấu vốn thông qua việc phát hành ưu đãi các cổ phiếu làm lợi cho cổ đông nắm quyền kiểm soát.

Ngoài việc công bố thông tin, yếu tố then chốt để bảo vệ quyền của cổ đông thiểu số là trách nhiệm trung thành của thành viên Hội đồng Quản trị đối với công ty và tất cả cổ đông. Trên thực tế, việc lạm dụng cổ đông thiểu số được phát hiện nhiều nhất tại các quốc gia có khuôn khổ pháp lý và quản lý trong lĩnh vực này còn yếu kém. Vấn đề này đặc biệt nảy sinh ở một số quốc gia nơi có nhiều tập đoàn kinh tế, và trách nhiệm trung thành của thành viên Hội đồng Quản trị với cổ đông được quy định không rõ ràng và thậm chí được hiểu là trách nhiệm đối với tập đoàn. Trong trường hợp này một số quốc gia đang chuyển sang kiểm soát các tác động tiêu cực bằng cách quy định giao dịch có lợi cho công ty khác trong tập đoàn cần phải được đền bù bằng khoản lợi nhuận tương ứng từ các công ty khác của tập đoàn.

Các điều khoản phổ biến khác nhằm bảo vệ cổ đông thiểu số được chứng minh là hiệu quả bao gồm quyền ưu tiên mua trước cổ phiếu, biểu quyết đa số tuyệt đối với một số quyết định nhất định của cổ đông và khả năng sử dụng bầu dòn phiếu để chọn thành viên Hội đồng Quản trị. Trong một số trường hợp cụ thể, một số quốc gia quy định hoặc cho phép cổ đông nắm quyền kiểm soát mua lại tất cả cổ phần của các cổ đông còn lại với mức giá do một cơ quan định giá độc lập xác định. Điều này đặc biệt quan trọng khi cổ đông nắm quyền kiểm soát quyết định không niêm yết công ty nữa. Các biện pháp khác để cải thiện quyền của cổ đông thiểu số bao gồm các

hành động kiện phái sinh và tập thể. Với mục đích chung là nâng cao độ tin cậy của thị trường, việc lựa chọn và xây dựng tốt nhất các điều khoản khác nhau để bảo vệ cổ đông thiểu số cần dựa vào khuôn khổ quản lý chung và hệ thống pháp lý quốc gia.

3. Các tổ chức lưu ký hoặc được chỉ định phải biểu quyết theo cách mà cổ đông đã thỏa thuận.

Trước kia ở một số quốc gia thuộc OECD các tổ chức tài chính giữ cổ phần thay cho các nhà đầu tư thường bỏ phiếu cho những cổ phần đó. Các tổ chức lưu ký như ngân hàng và công ty môi giới với tư cách là tổ chức được chỉ định giữ cổ phiếu cho khách hàng đôi khi được yêu cầu biểu quyết ủng hộ các đề xuất của Ban Giám đốc trừ phi được cổ đông yêu cầu làm khác.

Xu hướng ở các quốc gia thuộc OECD là xóa bỏ các điều khoản tự động cho phép các tổ chức lưu ký biểu quyết thay cổ đông. Một vài quốc gia gần đây sửa đổi các quy định yêu cầu tổ chức lưu ký cung cấp cho cổ đông thông tin liên quan tới các lựa chọn của họ trong việc sử dụng quyền biểu quyết. Cổ đông có thể chọn cách ủy quyền tất cả quyền biểu quyết cho tổ chức lưu ký. Hoặc là họ có thể chọn cách dựa vào thông tin về tất cả các phiếu bầu cổ đông sắp tới và quyết định biểu quyết một số và ủy nhiệm một số quyền biểu quyết cho tổ chức lưu ký. Cần có sự cân bằng hợp lý giữa việc đảm bảo rằng biểu quyết cổ đông do tổ chức lưu ký thực hiện phải theo ý muốn của cổ đông và việc không đặt gánh nặng quá lớn lên tổ chức lưu ký phải có được sự chấp thuận của cổ đông trước khi biểu quyết. Thông báo cho cổ đông biết rằng nếu không nhận được chỉ dẫn trái ngược nào khác thì tổ chức lưu ký sẽ biểu quyết cổ phần theo hướng có lợi cho cổ đông là đủ.

Cần lưu ý rằng nguyên tắc này không áp dụng cho việc thực hiện quyền biểu quyết bởi người được ủy thác quản lý tài sản hoặc cá nhân khác hoạt động theo những chỉ định pháp lý đặc biệt (ví dụ, người tiếp quản công ty phá sản hay người được chỉ định để quản lý tài sản công ty).

Người nắm giữ chứng chỉ lưu ký cũng phải có các quyền tương tự và có cơ hội thực tế để tham gia vào quản trị công ty giống như một cổ đông. Khi người nắm giữ chứng chỉ lưu ký muốn sử dụng đại diện ủy quyền thì ngân hàng lưu ký, văn phòng ủy thác hay tổ chức tương đương cần cung cấp kịp thời đại diện ủy quyền cho người nắm giữ chứng chỉ lưu ký. Người nắm giữ chứng chỉ lưu ký phải có quyền ban hành hướng dẫn biểu quyết đối với cổ phiếu mà tổ chức lưu ký hay ủy thác thay mặt họ nắm giữ.

4. Những trở ngại đối với biểu quyết từ nước ngoài cần được loại bỏ.

Nhà đầu tư nước ngoài thường nắm giữ cổ phần thông qua một chuỗi trung gian. Cổ phần thường được giữ trong tài khoản ở một tổ chức chứng khoán trung gian, tổ chức này lại có tài khoản ở các tổ chức trung gian và trung tâm lưu ký ở các quốc gia khác trong khi công ty niêm yết lại ở nước thứ ba. Chuỗi trung gian xuyên quốc gia này gây trở ngại đặc biệt đối với việc quyết định cho phép nhà đầu tư nước ngoài sử dụng quyền biểu quyết của họ, cũng như đối với quá trình liên lạc với nhà đầu tư đó. Điều này cùng với việc thông báo mời họp của công ty thường được gửi trong khoảng thời gian rất ngắn khiến cổ đông có rất ít thời gian chuẩn bị cho cuộc họp và hạn chế khả năng của họ trong việc đưa ra quyết định đúng đắn liên quan tới các vấn đề cần quyết định trong cuộc họp. Việc này gây khó khăn cho biểu quyết từ nước ngoài. Khuôn khổ pháp lý quản trị công ty phải làm rõ ai có quyền kiểm soát quyền biểu quyết từ nước ngoài và lúc nào cần đơn giản hóa chuỗi lưu ký. Ngoài ra, thời gian thông báo cần cho phép nhà đầu tư nước ngoài thực sự có cơ hội thực hiện chức năng sở hữu của họ giống như nhà đầu tư trong nước. Để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho nhà đầu tư nước ngoài biểu quyết, luật lệ và thực tiễn quản trị công ty phải cho phép họ tham gia thông qua các phương tiện sử dụng công nghệ hiện đại.

5. Các quy trình và thủ tục của Đại hội đồng cổ đông phải đảm bảo sự đối xử bình đẳng đối với mọi cổ đông. Các thủ tục của công ty không được gây khó dễ hoặc phát sinh chi phí không cần thiết khi biểu quyết.

Quyền tham gia vào Đại hội đồng cổ đông là quyền cổ đông cơ bản. Ban Giám đốc và nhà đầu tư nắm quyền kiểm soát đôi khi cố tìm cách ngăn cản nhà đầu tư không nắm quyền kiểm soát và nhà đầu tư nước ngoài tác động tới các quyết định chiến lược của công ty. Một số công ty đánh phí biểu quyết. Một số khác gây trở ngại bằng cách cấm biểu quyết qua đại diện được ủy quyền và quy định cổ đông phải có mặt tại Đại hội đồng cổ đông mới được biểu quyết. Ngoài ra một số thủ tục ngăn trở khác cũng có thể khiến quyền sở hữu không thể thực hiện được. Tài liệu về đại diện ủy quyền có thể được gửi đi quá gần thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông nên nhà đầu tư không có đủ thời gian xem xét và tham khảo ý kiến. Nhiều công ty ở các quốc gia thuộc OECD đang tìm biện pháp phát triển các kênh thông tin và ra quyết định với cổ đông tốt hơn. Cần khuyến khích các công ty nỗ lực gỡ bỏ những rào cản đối với việc tham gia Đại hội đồng cổ đông

và khuôn khổ quản trị công ty phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng biểu quyết vắng mặt điện tử.

B. Cần ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân.

Lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân xảy ra khi các cá nhân có quan hệ thân thiết với công ty, bao gồm cổ đông nắm quyền kiểm soát, lợi dụng các quan hệ đó gây tổn hại cho công ty và nhà đầu tư. Vì giao dịch nội gián dẫn đến kiểm soát thị trường vốn nên các quy định về chứng khoán, luật công ty và/hoặc luật hình sự ở đa số quốc gia thuộc OECD đều cấm các giao dịch loại này. Tuy nhiên, không phải tất cả các quốc gia đều ngăn cấm giao dịch nội gián và trong một số trường hợp việc cưỡng chế thực thi không được thực hiện tốt. Những giao dịch này có thể coi là hành vi vi phạm thông lệ quản trị công ty tốt cũng như vi phạm nguyên tắc đối xử công bằng với mọi cổ đông.

Bộ Nguyên tắc này khẳng định lại rằng nhà đầu tư có lý do để tin tưởng rằng lạm dụng giao dịch nội gián phải được ngăn cấm. Trong trường hợp những việc lạm dụng như vậy không bị luật pháp ngăn cấm và cưỡng chế thực thi không hiệu quả thì chính phủ cần có biện pháp để xóa bỏ những khe hở pháp lý này.

C. Thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý cấp cao phải công khai cho Hội đồng Quản trị biết họ có lợi ích đáng kể nào trong bất kỳ một giao dịch hay vấn đề gì ảnh hưởng trực tiếp tới công ty hay không, cho dù là trực tiếp, gián tiếp hay thay mặt cho bên thứ ba.

Thành viên Hội đồng Quản trị và các cán bộ quản lý chủ chốt của công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị khi họ có quan hệ kinh doanh, gia đình hay quan hệ khác ngoài công ty có thể ảnh hưởng đến đánh giá của họ đối với một giao dịch hay một vấn đề nào đó của công ty. Các quan hệ đặc biệt như vậy bao gồm việc các giám đốc và thành viên Hội đồng Quản trị có quan hệ với công ty thông qua liên kết với một cổ đông ở vị trí nắm quyền kiểm soát. Khi đã công bố lợi ích liên quan đến một vấn đề hay một giao dịch nào đó, việc cá nhân đó không tham gia vào bất kỳ quyết định nào liên quan đến giao dịch hay vấn đề đó là một thông lệ tốt.

IV. Vai trò của các Bên có Quyền lợi Liên quan trong Quản trị Công ty

Khuôn khổ quản trị công ty phải công nhận quyền của các bên có quyền lợi liên quan đã được pháp luật hay quan hệ hợp đồng quy định và phải khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo dựng tài sản, việc làm và ổn định tài chính cho doanh nghiệp.

Một khía cạnh quan trọng trong quản trị công ty liên quan tới việc đảm bảo dòng vốn từ bên ngoài vào công ty, cả vốn cổ phần lẫn vốn vay. Quản trị công ty cũng liên quan đến việc tìm cách khuyến khích các bên có quyền lợi liên quan trong công ty thực hiện đầu tư kinh tế tối ưu vào nguồn nhân lực và tài sản của công ty. Năng lực cạnh tranh và thành công lớn nhất của công ty là kết quả của nỗ lực chung trong đó có những đóng góp từ nhiều nguồn cung cấp nguồn lực khác nhau như nhà đầu tư, người lao động, chủ nợ và nhà cung cấp. Các công ty cần công nhận sự đóng góp của các bên có quyền lợi liên quan là nguồn lực quý giá để xây dựng khả năng cạnh tranh và tăng lợi nhuận cho công ty. Vì vậy mỗi quan tâm lâu dài của các công ty là đẩy mạnh sự hợp tác giữa các bên có quyền lợi liên quan. Khuôn khổ quản trị công ty phải phản ánh nguyên tắc công ty chỉ có thể đạt được lợi ích tối ưu khi tôn trọng lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan và sự đóng góp của họ đối với thành công lâu dài của công ty.

A. Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng.

Ở tất cả các quốc gia thuộc OECD quyền của các bên có quyền lợi liên quan được quy định bởi pháp luật (ví dụ, luật lao động, luật kinh doanh, luật thương mại và luật phá sản) hoặc các quan hệ hợp đồng. Ngay cả ở những nơi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan không được pháp luật quy định thì nhiều công ty thường tạo thêm cam kết với các bên có quyền lợi liên quan và việc quan tâm tới danh tiếng và hiệu quả của công ty thường đòi hỏi phải chấp nhận những lợi ích lớn hơn cho các đối tượng này.

B. Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm.

Khuôn khổ và quy trình pháp lý cần minh bạch và không cản trở việc các bên có quyền lợi liên quan trao đổi và khiếu nại khi quyền của họ bị vi phạm.

C. Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng.

Mức độ người lao động tham gia vào quản trị công ty phụ thuộc vào luật pháp và thông lệ ở mỗi quốc gia và có thể khác nhau ở mỗi công ty. Trong quản trị công ty, các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động có thể làm lợi cho công ty trực tiếp cũng như gián tiếp qua việc họ sẵn sàng đầu tư nâng cao các kỹ năng đáp ứng nhu cầu riêng biệt của công ty. Ví dụ về cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động bao gồm người lao động có đại diện trong Hội đồng Quản trị, hay công ty có một ủy ban lao động xem xét quan điểm của người lao động trong một số quyết định quan trọng. Liên quan đến cơ chế khuyến khích người lao động, chương trình sở hữu cổ phần của người lao động hay các cơ chế phân chia lợi nhuận khác là các biện pháp thường áp dụng ở nhiều quốc gia. Các cam kết về lương hưu cũng thường là một yếu tố của mối quan hệ giữa công ty và người lao động. Khi các cam kết như vậy liên quan tới việc xây dựng một quỹ độc lập, người được giao quản lý quỹ phải độc lập với Ban Giám đốc công ty và quản lý quỹ vì lợi ích của tất cả những người được thụ hưởng.

D. Khi các bên có quyền lợi liên quan tham gia vào quá trình quản trị công ty, họ phải được tiếp cận với thông tin phù hợp, đầy đủ và đáng tin cậy một cách kịp thời và thường xuyên.

Khi luật lệ và thông lệ của hệ thống quản trị công ty cho phép các bên có quyền lợi liên quan được tham gia vào quản trị công ty thì việc các bên có quyền lợi liên quan được tiếp cận với thông tin cần thiết để thực hiện trách nhiệm của họ là rất quan trọng.

E. Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những mối quan ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được phép ảnh hưởng tới quyền của họ.

Những việc làm không phù hợp đạo đức và không hợp pháp của quan chức công ty không chỉ vi phạm quyền của các bên có quyền lợi liên quan mà còn gây tổn hại tới công ty và cổ đông về mặt danh tiếng và làm tăng rủi ro của các khoản nợ tài chính trong tương lai. Vì vậy sẽ có lợi cho công ty

và cổ đông nếu thiết lập các thủ tục và quy chế an toàn cho người lao động khiếu nại về các việc làm không hợp pháp và không phù hợp đạo đức, với tư cách cá nhân hoặc thông qua tổ chức đại diện hay tổ chức khác ngoài công ty. Ở nhiều quốc gia, luật lệ hoặc/và các nguyên tắc quản trị công ty khuyến khích Hội đồng Quản trị bảo vệ các cá nhân khiếu nại hay tổ chức đại diện của họ và cho phép họ có quyền tiếp cận trực tiếp với một người nào đó độc lập trong Hội đồng Quản trị, thường là thành viên của ủy ban kiểm toán hay ủy ban đạo đức. Một số công ty đã thành lập ban thanh tra để giải quyết khiếu nại. Một số cơ quan quản lý cũng phát triển các hệ thống điện thoại và thư điện tử để tiếp nhận tố cáo. Trong khi ở một số quốc gia, tổ chức đại diện cho người lao động thực hiện các nhiệm vụ phản ánh các mối quan ngại lên công ty thì cá nhân người lao động khi hành động độc lập phải không bị cản trở hay ít được bảo vệ hơn. Khi không có câu trả lời đầy đủ cho một khiếu nại liên quan tới việc vi phạm pháp luật, bộ Nguyên tắc Chỉ đạo cho các Công ty Đa Quốc gia của OECD khuyến khích người lao động đệ trình khiếu nại hợp pháp của mình lên các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty không được có các hành động phân biệt đối xử hay kỷ luật đối với những người lao động này hay tổ chức đại diện của họ.

F. Khuôn khổ quản trị công ty cần được bổ sung bằng một khuôn khổ về phá sản hiệu quả và việc thực thi hiệu quả quyền của chủ nợ.

Đặc biệt ở các thị trường mới nổi, chủ nợ là bên có quyền lợi liên quan then chốt. Các điều kiện cho vay, giá trị khoản vay hay loại hình cho vay đối với công ty sẽ phụ thuộc nhiều vào quyền và khả năng cưỡng chế thực thi của chủ nợ. Công ty có hồ sơ quản trị công ty tốt thường có khả năng vay được những khoản lớn hơn với điều khoản có lợi hơn công ty có hồ sơ xấu hoặc hoạt động ở thị trường không minh bạch. Khuôn khổ luật phá sản công ty ở từng quốc gia rất khác nhau. Ở một số quốc gia, khi công ty sắp phá sản, luật pháp buộc các thành viên Hội đồng Quản trị phải hoạt động vì lợi ích của chủ nợ. Do đó chủ nợ có thể đóng vai trò quan trọng trong quản trị công ty. Các quốc gia khác có cơ chế khuyến khích công ty kịp thời thông tin về những khó khăn của mình để có thể tìm ra giải pháp mà cả chủ nợ và công ty cùng chấp thuận được.

Quyền của chủ nợ rất khác nhau, từ người sở hữu trái phiếu được bảo đảm tới chủ nợ các khoản vay không được bảo đảm. Các thủ tục phá sản thường yêu cầu có cơ chế hiệu quả để điều hòa lợi ích của các loại chủ nợ khác nhau. Ở nhiều quốc gia, một số quyền đặc biệt được xây dựng như cung cấp các ưu đãi/bảo vệ cho các khoản vay mới mà công ty phá sản được tiếp cận thông qua cơ chế cấp vốn cho “con nợ đang bị kiểm soát”.

V. Công bố thông tin và tính minh bạch

Khuôn khổ quản trị công ty phải đảm bảo việc công bố thông tin kịp thời và chính xác về mọi vấn đề quan trọng liên quan đến công ty, bao gồm tình hình tài chính, tình hình hoạt động, sở hữu và quản trị công ty.

Ở đa số các quốc gia thuộc OECD, một lượng thông tin lớn, bao gồm thông tin bắt buộc và tự nguyện, về các công ty cổ phần và công ty chưa niêm yết lớn được thu thập và cung cấp cho một loạt người sử dụng. Thông tin thường được công bố công khai ít nhất là mỗi năm một lần mặc dù một số quốc gia quy định công bố thông tin nửa năm hoặc ba tháng một lần, thậm chí thường xuyên hơn trong trường hợp có sự kiện quan trọng ảnh hưởng tới công ty. Các công ty thường công bố thông tin tự nguyện thường xuyên hơn mức quy định để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Hệ thống công bố thông tin tốt nâng cao tính minh bạch là đặc điểm then chốt của việc giám sát công ty dựa vào thị trường, và đóng vai trò chủ yếu giúp cổ đông có thể thực hiện quyền sở hữu của mình một cách có hiệu biết. Kinh nghiệm ở các quốc gia có thị trường chứng khoán lớn và năng động cho thấy công bố thông tin cũng có thể là một công cụ hiệu quả để tác động tới hoạt động của công ty và bảo vệ nhà đầu tư. Một hệ thống công bố thông tin tốt có thể giúp thu hút vốn và duy trì lòng tin của thị trường. Ngược lại, công bố thông tin yếu kém và không minh bạch có thể dẫn đến hành vi phi đạo đức và mất đi tính trung thực của thị trường, gây thiệt hại lớn không chỉ cho công ty và cổ đông mà cho cả nền kinh tế nói chung. Cổ đông và nhà đầu tư tiềm năng phải được tiếp cận thông tin thường xuyên, tin cậy và so sánh được một cách chi tiết đủ để họ đánh giá trình độ quản lý của Ban Giám đốc và đưa ra các quyết định sáng suốt về giá trị, quyền sở hữu và biểu quyết của cổ phần. Thông tin không đầy đủ và không rõ ràng có thể cản trở khả năng hoạt động của thị trường, làm tăng chi phí vốn và dẫn tới việc phân bổ nguồn lực không hiệu quả.

Công bố thông tin cũng giúp nâng cao hiểu biết của công chúng về cơ cấu và hoạt động của công ty, chính sách công ty và hoạt động liên quan đến các tiêu chuẩn môi trường và đạo đức, quan hệ của công ty với cộng đồng nơi công ty hoạt động v.v. Bộ Nguyên Chỉ đạo cho các Công ty Đa Quốc gia của OECD cần được tham khảo trong trường hợp này.

Các quy định công bố thông tin không đặt gánh nặng hành chính hoặc chi phí lên công ty. Các công ty cũng không phải công bố các thông tin có thể

làm tổn hại vị thế cạnh tranh của họ trừ phi việc công bố thông tin là cần thiết để cung cấp thông tin đầy đủ cho quyết định đầu tư hoặc để tránh làm nhà đầu tư hiểu lầm. Để xác định thông tin nào cần công bố, nhiều quốc gia áp dụng khái niệm tầm quan trọng. Thông tin quan trọng là thông tin mà không công bố hoặc công bố sai có thể ảnh hưởng tới các quyết định kinh tế của người sử dụng thông tin.

Bộ Nguyên tắc này ủng hộ công bố kịp thời thông tin về tất cả các diễn biến quan trọng xảy ra giữa các báo cáo định kỳ. Bộ Nguyên tắc cũng ủng hộ việc công bố thông tin đồng thời cho tất cả cổ đông để đảm bảo đối xử bình đẳng với họ. Khi duy trì mối quan hệ gần gũi với nhà đầu tư và các bên tham gia thị trường, các công ty phải thận trọng để không vi phạm nguyên tắc đối xử bình đẳng với cổ đông cơ bản này.

A. Công bố thông tin phải bao gồm, nhưng không hạn chế, các thông tin quan trọng về:

1. Kết quả tài chính và hoạt động của công ty.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho thấy hiệu quả kinh tế và tình hình tài chính của công ty (thường bao gồm bảng cân đối kế toán, bảng kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính) là nguồn thông tin về công ty được sử dụng rộng rãi nhất. Hai mục tiêu cơ bản của báo cáo tài chính là giúp cổ đông giám sát công ty và làm cơ sở để đánh giá chứng khoán. Báo cáo và phân tích hoạt động của Ban Giám đốc thường kèm trong báo cáo thường niên. Báo cáo này hữu ích nhất khi xem cùng với báo cáo tài chính đi kèm. Nhà đầu tư đặc biệt quan tâm tới thông tin giúp họ làm sáng tỏ hiệu quả kinh tế của công ty trong tương lai.

Thực tế cho thấy thất bại trong quản trị thường gắn liền với việc không công bố “bức tranh toàn cảnh”, đặc biệt là khi tài khoản ngoại bảng được sử dụng để cung cấp bảo lãnh hay các cam kết tương tự giữa các công ty trong cùng tập đoàn. Vì thế giao dịch liên quan tới toàn bộ một tập đoàn cần được công bố cùng với các tiêu chuẩn chất lượng cao được quốc tế công nhận, và bao gồm thông tin về các khoản nợ dự phòng, giao dịch tài khoản ngoại bảng, cũng như thông tin về các bộ phận công ty được thành lập cho mục đích đặc biệt.

2. Mục tiêu của công ty

Ngoài mục tiêu thương mại, công ty được khuyến khích công bố các chính sách liên quan tới đạo đức kinh doanh, môi trường và các cam kết chính sách cộng đồng khác. Những thông tin như vậy có thể quan trọng đối với nhà đầu tư và những người sử dụng thông tin khác, cho phép họ đánh giá tốt hơn mối quan hệ giữa công ty và cộng đồng nơi công ty hoạt động, cũng như các biện pháp công ty tiến hành để thực hiện mục tiêu của mình.

3. Sở hữu cổ phần đa số và quyền biểu quyết.

Một trong các quyền cơ bản của nhà đầu tư là được thông tin về cơ cấu sở hữu của công ty và quyền của họ so với quyền của những người sở hữu khác. Họ cũng có quyền tiếp cận thông tin về cơ cấu của một tập đoàn và quan hệ giữa các công ty trong tập đoàn. Việc công bố thông tin như vậy cần phải làm rõ mục tiêu, bản chất và cơ cấu của tập đoàn. Các quốc gia thường yêu cầu công bố số liệu về sở hữu khi vượt qua một ngưỡng sở hữu nhất định. Thông tin công bố có thể bao gồm số liệu về cổ đông đa số và các cổ đông khác trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có thể kiểm soát công ty thông qua quyền biểu quyết đặc biệt, thỏa ước cổ đông, sở hữu cổ phần kiểm soát hay số lượng lớn cổ phần, các quan hệ sở hữu cổ phần chéo và đảm bảo chéo.

Với mục đích tăng cường cường chế thực thi và xác định các xung đột lợi ích tiềm tàng, giao dịch nội gián và giao dịch với các bên liên quan, thông tin về người sở hữu trên giấy tờ cần được bổ sung bởi thông tin về người thụ hưởng/sở hữu thực sự. Trong trường hợp sở hữu cổ phần đa số thông qua cơ cấu hoặc thỏa thuận trung gian, thông tin về người thụ hưởng quyền sở hữu thực sự phải được công bố ít nhất là cho cơ quan quản lý và cường chế thực thi. Mẫu Các Lựa chọn để có được Thông tin về Quyền sở hữu của Người thụ hưởng và Kiểm soát của OECD có thể là công cụ tự đánh giá hữu ích cho các quốc gia muốn bảo đảm sự tiếp cận thông tin cần thiết về người thụ hưởng quyền sở hữu thực sự.

4. Chính sách thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao, bao gồm trình độ, quy trình tuyển chọn, các vị trí đang nắm giữ tại công ty khác và liệu họ có được Hội đồng Quản trị coi là độc lập hay không.

Nhà đầu tư yêu cầu thông tin về từng thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao để đánh giá kinh nghiệm và trình độ của họ và đánh giá xung đột lợi ích tiềm tàng có thể ảnh hưởng tới sự suy xét, ra quyết định của

họ. Đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thông tin phải bao gồm trình độ, sở hữu cổ phần trong công ty, có tham gia Hội đồng Quản trị của công ty khác không, và liệu họ có được Hội đồng Quản trị coi là thành viên độc lập hay không. Việc công khai sự tham gia của họ vào Hội đồng Quản trị của các công ty khác là quan trọng không chỉ bởi vì nó là chỉ số cho thấy kinh nghiệm và áp lực thời gian có thể đối với thành viên Hội đồng Quản trị mà còn bởi nó có thể phát lộ các xung đột lợi ích tiềm tàng và làm rõ mức độ liên quan đến nhau của các hội đồng quản trị.

Một số luật lệ và nguyên tắc quốc gia đề ra các nhiệm vụ cụ thể cho thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và trong một số trường hợp cụ thể quy định đa số thành viên Hội đồng Quản trị phải độc lập. Ở nhiều quốc gia, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giải thích lý do vì sao một thành viên Hội đồng Quản trị lại được coi là thành viên độc lập. Lúc đó, tùy thuộc vào cổ đông và cuối cùng là thị trường sẽ quyết định liệu các lý do đưa ra có hợp lý không. Một vài quốc gia yêu cầu công ty cần phải công bố thông tin về quy trình tuyển chọn và đặc biệt là liệu quy trình đó có mở rộng cho nhiều ứng cử viên hay không. Thông tin như vậy cần được cung cấp trước khi có bất kỳ quyết định nào của Đại hội đồng cổ đông hoặc được cung cấp liên tục nếu tình hình có thay đổi quan trọng.

Thông tin về chính sách thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng là vấn đề cổ đông quan tâm. Họ đặc biệt quan tâm tới mối liên hệ giữa chính sách thù lao và hiệu quả của công ty. Công ty thường được yêu cầu công bố thông tin về chính sách thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao để nhà đầu tư có thể đánh giá chi phí và lợi ích của kế hoạch thù lao và việc đóng góp của các chương trình khuyến khích như chương trình chia cổ phiếu thưởng vào hiệu quả của công ty. Công bố thông tin về từng thành viên (kể cả các điều khoản về chấm dứt hợp đồng và hưu trí) ngày càng được coi là thông lệ tốt và hiện được coi là bắt buộc ở một số quốc gia. Trong trường hợp đó, một số quốc gia yêu cầu công bố chính sách thù lao cho một số nhất định cán bộ quản lý được trả lương cao nhất, còn các nơi khác quy định việc này đối với một số vị trí xác định.

5. Giao dịch với các bên liên quan.

Thị trường cần phải biết công ty có được điều hành vì lợi ích của tất cả các nhà đầu tư hay không. Để đạt được mục đích này, công ty nhất thiết phải công bố đầy đủ các giao dịch với bên có liên quan quan trọng cho thị trường, bao gồm việc các giao dịch có được thực hiện theo pháp luật và dựa trên các

nguyên tắc thị trường thông thường hay không. Ở một số quốc gia việc này thực tế là một quy định của pháp luật. Các bên có liên quan bao gồm các tổ chức kiểm soát hoặc dưới sự kiểm soát chung cùng với công ty, các cổ đông lớn kể cả thành viên gia đình họ, và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch liên quan tới cổ đông đa số (hoặc gia đình, họ hàng thân cận của họ...) gián tiếp hoặc trực tiếp thường là loại giao dịch khó kiểm soát nhất. Ở một số quốc gia, cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên phải báo cáo giao dịch. Các yêu cầu về công bố thông tin bao gồm bản chất mối quan hệ trong đó quyền kiểm soát tồn tại, và bản chất và số lượng giao dịch với các bên có liên quan. Do tính không minh bạch cổ hữu của nhiều giao dịch, người thụ hưởng có thể bắt buộc phải thông báo cho Hội đồng Quản trị về giao dịch, sau đó phải công bố thông tin cho thị trường. Việc này không miễn trừ trách nhiệm tự giám sát của công ty, và đây cũng là một nhiệm vụ quan trọng của Hội đồng Quản trị.

6. Các yếu tố rủi ro có thể tiên liệu.

Người sử dụng thông tin tài chính và các bên tham gia thị trường cần được thông tin về các rủi ro quan trọng có thể tiên liệu một cách hợp lý bao gồm: rủi ro cụ thể đối với ngành kinh doanh hoặc khu vực địa lý nơi công ty hoạt động; sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu; rủi ro của thị trường tài chính bao gồm biến động lãi suất hoặc rủi ro tiền tệ; rủi ro liên quan đến chứng khoán phái sinh và giao dịch ngoại bảng tổng kết tài sản; và rủi ro liên quan đến các trách nhiệm về môi trường.

Bộ Nguyên tắc này không yêu công bố thông tin chi tiết hơn mức cần thiết để giúp nhà đầu tư có đầy đủ thông tin về các rủi ro có thể tiên liệu của công ty. Công bố rủi ro hiệu quả nhất khi nó được thực hiện phù hợp với bản chất của mỗi ngành kinh doanh cụ thể. Công bố thông tin về hệ thống giám sát và quản lý rủi ro ngày càng được coi là thông lệ tốt.

7. Các vấn đề liên quan đến người lao động và các bên có quyền lợi liên quan khác.

Các công ty được khuyến khích, và ở một số quốc gia bị bắt buộc, cung cấp thông tin về những vấn đề then chốt liên quan đến người lao động và các bên có quyền lợi liên quan khác có ảnh hưởng quan trọng tới hiệu quả của công ty. Việc công bố bao gồm quan hệ giữa Ban Giám đốc và người lao động, và quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan khác như chủ nợ, nhà cung cấp và cộng đồng địa phương.

Một số quốc gia yêu cầu công bố nhiều thông tin về nguồn nhân lực. Các chính sách về nguồn nhân lực, như chương trình phát triển và đào tạo nguồn nhân lực, tỷ lệ lao động ổn định và chương trình sở hữu cổ phần của người lao động, có thể truyền đạt nhiều thông tin quan trọng về sức cạnh tranh của công ty tới các bên tham gia thị trường.

8. Cơ cấu và chính sách quản trị, cụ thể là nội dung của bất kỳ quy tắc hoặc chính sách quản trị nào và quá trình thực hiện nó.

Công ty cần công bố các thông lệ quản trị công ty của họ và ở một số quốc gia việc công bố này được quy định là một phần của báo cáo định kỳ. Ở một vài quốc gia, các công ty phải thực hiện bộ nguyên tắc quản trị công ty hoặc bị cơ quan có thẩm quyền niêm yết yêu cầu công bố bắt buộc trên cơ sở “tuân thủ hoặc giải trình”. Công bố thông tin về cơ cấu và chính sách quản trị công ty, đặc biệt là việc phân định quyền lực giữa cổ đông, Ban Giám đốc, và thành viên Hội đồng Quản trị là cần thiết để đánh giá chất lượng quản trị của công ty.

Để minh bạch, thủ tục họp cổ đông phải đảm bảo rằng biểu quyết phải được đếm và lưu giữ đúng thủ tục và kết quả phải được công bố kịp thời.

B. Thông tin phải được chuẩn bị và công bố phù hợp với các tiêu chuẩn chất lượng cao về công bố thông tin kế toán, tài chính và phi tài chính.

Việc áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng cao sẽ góp phần nâng cao đáng kể khả năng giám sát công ty của nhà đầu tư do làm tăng độ tin cậy và tính so sánh được của báo cáo cũng như giúp nhà đầu tư hiểu thấu được hiệu quả hoạt động của công ty. Chất lượng thông tin phụ thuộc đáng kể vào tiêu chuẩn dựa trên đó thông tin được thu thập và công bố. Bộ Nguyên tắc này ủng hộ việc phát triển các tiêu chuẩn chất lượng cao được quốc tế công nhận, có vai trò nâng cao tính minh bạch và khả năng so sánh của các báo cáo tài chính cũng như các thông tin tài chính khác giữa các quốc gia. Những tiêu chuẩn như vậy cần được xây dựng thông qua các quy trình cởi mở, độc lập và công khai, có sự tham gia của cả khối tư nhân và các bên liên quan khác như hiệp hội nghề nghiệp và chuyên gia độc lập. Các tiêu chuẩn trong nước chất lượng cao có thể được xây dựng bằng cách đồng bộ hóa với một trong những chuẩn mực kế toán được quốc tế công nhận. Nhiều quốc gia quy định các công ty niêm yết phải sử dụng các tiêu chuẩn này.

- C. Kiểm toán hàng năm phải được tiến hành bởi một đơn vị kiểm toán độc lập, đủ năng lực và có chất lượng cao nhằm cung cấp ý kiến đánh giá độc lập và khách quan cho Hội đồng Quản trị và các cổ đông, đảm bảo rằng các báo cáo tài chính đã thể hiện một cách trung thực tình hình tài chính và hoạt động của công ty về mọi mặt chủ chốt.**

Ngoài việc xác nhận báo cáo tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính của công ty, báo cáo kiểm toán cũng cần bao gồm ý kiến về cách thức báo cáo tài chính được chuẩn bị và trình bày. Việc này sẽ giúp cải thiện công tác kiểm soát trong công ty.

Nhiều quốc gia đã ban hành các biện pháp để nâng cao tính độc lập của các đơn vị kiểm toán và gắn chặt trách nhiệm của họ với cổ đông. Một số quốc gia đang thắt chặt việc giám sát kiểm toán thông qua một cơ quan độc lập. Trên thực tế, bộ Nguyên tắc Giám sát Kiểm toán viên do IOSCO phát hành năm 2002 ghi rõ việc giám sát kiểm toán viên hiệu quả thường bao gồm, nhưng không hạn chế, các cơ chế: "...quy định rằng một cơ quan, hoạt động vì lợi ích cộng đồng, cung cấp việc giám sát chất lượng và sự tuân thủ, và các chuẩn mực đạo đức sử dụng ở quốc gia đó, cũng như môi trường kiểm soát chất lượng kiểm toán"; và "...yêu cầu kiểm toán viên chịu sự giám sát của một cơ quan giám sát kiểm toán độc lập với chuyên môn kiểm toán, hoặc nếu một tổ chức nghề nghiệp giữ vai trò cơ quan giám sát thì cơ quan đó phải được giám sát bởi một cơ quan độc lập". Cơ quan giám sát kiểm toán này cần hoạt động vì lợi ích cộng đồng và có thành viên phù hợp, có điều lệ trách nhiệm và quyền lực đầy đủ, và có nguồn lực tài chính không phụ thuộc vào ngành kiểm toán để thực thi trách nhiệm của mình.

Trong thực tế, ngày càng phổ biến là công ty kiểm toán độc lập được giới thiệu bởi ủy ban kiểm toán độc lập của Hội đồng Quản trị hoặc một bộ phận tương đương và được bổ nhiệm bởi ủy ban/bộ phận đó hoặc trực tiếp bởi cổ đông. Ngoài ra, bộ Nguyên tắc Kiểm toán Độc lập và Vai trò của Quản trị Công ty trong Giám sát Tính độc lập của Kiểm toán của IOSCO ghi rõ "các tiêu chuẩn về tính độc lập của công ty kiểm toán phải thiết lập một khuôn khổ các nguyên tắc, được hỗ trợ bởi một tập hợp các lệnh cấm, các hạn chế và các chính sách và thủ tục khác cùng với các quy định về công bố thông tin, nhằm xử lý ít nhất các mối đe dọa tính độc lập sau: tư lợi, tư đánh giá, vận động hành lang, quá thân mật và đe dọa".

Ủy ban kiểm toán hoặc bộ phận tương đương thường được chỉ định giám sát các hoạt động kiểm toán nội bộ và cũng phải chịu trách nhiệm giám sát toàn bộ quan hệ với đơn vị kiểm toán độc lập bao gồm các dịch vụ không liên quan đến kiểm toán cung cấp bởi đơn vị này cho công ty. Việc đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp các dịch vụ không liên quan đến kiểm toán cho công ty có thể làm suy yếu nghiêm trọng tính độc lập và có thể khiến họ phải kiểm toán công việc của chính mình. Để đối phó với các động cơ không đúng đắn có thể nảy sinh, hiện nay một số quốc gia yêu cầu công bố thông tin về thù lao cho các dịch vụ không liên quan đến kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập. Ví dụ về các quy định khác để củng cố tính độc lập của kiểm toán bao gồm lệnh cấm hoàn toàn hoặc giới hạn khắt khe đối với bản chất của công việc không liên quan đến kiểm toán mà đơn vị kiểm toán thực hiện cho khách hàng kiểm toán của mình, luân chuyển bắt buộc kiểm toán viên, lệnh cấm tạm thời việc công ty được kiểm toán tuyển dụng người đã từng kiểm toán công ty mình, và cấm kiểm toán viên hoặc người có liên quan đến họ có một phần vốn hoặc giữ vai trò quản lý trong công ty họ kiểm toán. Một số quốc gia thực hiện biện pháp quản lý trực tiếp hơn và hạn chế tỷ lệ phần trăm thu nhập không liên quan đến kiểm toán mà công ty kiểm toán nhận được từ một khách hàng nào đó hoặc hạn chế tổng tỷ lệ phần trăm thu nhập của công ty kiểm toán thu được từ một khách hàng.

Một vấn đề nảy sinh ở một số quốc gia liên quan tới nhu cầu cấp thiết phải đảm bảo năng lực kiểm toán. Một số nơi thiết lập quy trình đăng ký để các kiểm toán viên khẳng định trình độ năng lực của mình. Tuy nhiên việc này cần được hỗ trợ bởi việc đào tạo và giám sát liên tục kinh nghiệm làm việc để đảm bảo trình độ năng lực chuyên môn phù hợp.

D. Các đơn vị kiểm toán độc lập phải chịu trách nhiệm đối với cổ đông và có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm toán một cách chuyên nghiệp đối với công ty.

Thông lệ đơn vị kiểm toán độc lập được đề cử bởi ủy ban kiểm toán độc lập của Hội đồng Quản trị hoặc một bộ phận tương đương, và được bổ nhiệm bởi ủy ban/bộ phận đó hoặc trực tiếp bởi đại hội cổ đông có thể được coi là thông lệ tốt vì nó làm rõ việc đơn vị kiểm toán độc lập phải chịu trách nhiệm đối với cổ đông. Thông lệ này cũng nhấn mạnh rằng đơn vị kiểm toán độc lập có nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm toán một cách chuyên nghiệp đối với công ty chứ không phải đối với bất kỳ một cá nhân hay nhóm giám đốc công ty mà họ quan hệ vì mục đích công việc.

E. Các kênh phổ biến thông tin phải tạo điều kiện tiếp cận thông tin bình đẳng, kịp thời và hiệu quả cho người sử dụng.

Các kênh phổ biến thông tin cũng quan trọng như nội dung thông tin. Trong khi việc công bố thông tin thường do pháp luật quy định thì lưu trữ và tiếp cận thông tin lại phức tạp và tốn kém. Lưu trữ báo cáo theo luật đã được nhiều quốc gia cải tiến bằng các hệ thống lưu trữ và lấy số liệu điện tử. Một vài quốc gia hiện đang chuyển sang giai đoạn tiếp theo bằng cách tích hợp các nguồn thông tin khác nhau của công ty, bao gồm cả thông tin cổ đông. Mạng Internet và các công nghệ thông tin khác cũng tạo điều kiện phổ biến thông tin dễ dàng hơn.

Một vài quốc gia đã ban hành các điều khoản công bố thông tin liên tục (thường do luật hoặc quy chế niêm yết quy định) bao gồm công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin liên tục/bất thường khi xảy ra các trường hợp đặc biệt. Đối với công bố thông tin liên tục/bất thường, quy định công bố “ngay lập tức” các diễn biến quan trọng là thông lệ tốt, dù điều này có nghĩa là “càng sớm càng tốt” hay được định nghĩa là trong vòng tối đa một vài ngày theo luật định. Bộ Nguyên tắc Công bố Thông tin Liên tục và Báo cáo các Diễn biến Quan trọng của các Công ty Niêm yết của IOSCO đề ra các nguyên tắc cơ bản về công bố thông tin liên tục và báo cáo các diễn biến quan trọng cho các công ty niêm yết.

F. Khuôn khổ quản trị công ty phải được bổ sung bằng các biện pháp thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ phân tích hay tư vấn do các tổ chức phân tích, môi giới chứng khoán, định mức tín nhiệm v...v cung cấp. Các phân tích, tư vấn có liên quan tới quyết định của nhà đầu tư này phải không bị ảnh hưởng bởi những xung đột lợi ích quan trọng có thể tác động đến tính trung thực của ý kiến phân tích hoặc tư vấn của họ.

Ngoài việc yêu cầu các tổ chức kiểm toán phải độc lập và có năng lực, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phổ biến thông tin kịp thời, một số quốc gia đã thi hành các biện pháp đảm bảo tính chính trực của các tổ chức và hoạt động nghề nghiệp có vai trò cung cấp phân tích và tư vấn cho thị trường. Các tổ chức trung gian này, nếu hoạt động không có xung đột lợi ích và thống nhất với nhau, có thể đóng vai trò quan trọng trong việc tạo động cơ tuân thủ thông lệ quản trị công ty tốt cho Hội đồng Quản trị.

Tuy nhiên, có một số quan ngại nảy sinh vì có bằng chứng là các xung đột về lợi ích thường xảy ra và có thể ảnh hưởng tới việc phân tích, đánh giá.

Điều này có thể xảy ra khi tổ chức tư vấn cũng tìm cách cung cấp các dịch vụ khác cho công ty hoặc khi họ có lợi ích quan trọng trực tiếp trong công ty hoặc đối thủ cạnh tranh của công ty. Mỗi quan ngại này cho thấy quy trình công bố thông tin và tính minh bạch hướng tới các chuẩn mực chuyên môn của các nhà phân tích thị trường chứng khoán, tổ chức định mức tín nhiệm, ngân hàng đầu tư v.v. cũng rất quan trọng.

Kinh nghiệm cho thấy giải pháp thường được áp dụng là yêu cầu công bố đầy đủ các xung đột lợi ích và biện pháp mà các tổ chức này thực hiện để giải quyết các xung đột đó. Đặc biệt quan trọng là việc công bố thông tin về cách thức tổ chức tư vấn tạo động lực cho nhân viên như thế nào để loại trừ xung đột lợi ích tiềm ẩn. Việc công bố như vậy giúp nhà đầu tư đánh giá những rủi ro có liên quan và thiên kiến có thể xảy ra trong tư vấn và thông tin. IOSCO đã xây dựng bản tuyên bố về các nguyên tắc liên quan đến các nhà phân tích và tổ chức định mức tín nhiệm (Tuyên bố của IOSCO về các Nguyên tắc Đề cập tới Xung đột Lợi ích của Nhà phân tích Bên bán Chứng khoán; Tuyên bố của IOSCO về các Nguyên tắc Liên quan đến Hoạt động của các Tổ chức Định mức Tín nhiệm)

VI. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Khuôn khổ quản trị công ty cần đảm bảo định hướng chiến lược của công ty, giám sát có hiệu quả công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với công ty và cổ đông.

Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Quản trị ở từng quốc gia và giữa các quốc gia thuộc OECD rất khác nhau. Một số quốc gia có Hội đồng Quản trị theo mô hình hai cấp tách chức năng kiểm soát và chức năng quản lý thành hai cơ quan riêng biệt. Hệ thống như vậy thường có “Ban Kiểm soát” bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và “Ban Giám đốc” bao gồm toàn bộ các cán bộ quản lý. Các quốc gia khác có Hội đồng quản trị một cấp “thống nhất”, bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị điều hành và không điều hành. Ở một số quốc gia còn có một bộ phận riêng biệt được thành lập cho mục đích kiểm toán theo luật định. Bộ Nguyên tắc này là những hướng dẫn chung có thể áp dụng cho bất kỳ mô hình Hội đồng Quản trị nào có chức năng quản trị và giám sát việc quản lý công ty.

Cùng với chiến lược chỉ đạo công ty, Hội đồng Quản trị chủ yếu chịu trách nhiệm giám sát hiệu quả công tác quản lý và đem lại lợi nhuận thỏa đáng cho cổ đông đồng thời ngăn ngừa các xung đột lợi ích và cân bằng yêu cầu cạnh tranh cho công ty. Để Hội đồng Quản trị có thể thực thi hiệu quả trách nhiệm của mình, họ phải thực hiện việc phân tích, đánh giá một cách khách quan và độc lập. Một trách nhiệm quan trọng khác của Hội đồng Quản trị là giám sát các hệ thống được xây dựng để đảm bảo công ty tuân thủ các luật lệ có liên quan, bao gồm luật thuế, cạnh tranh, lao động, môi trường, công bằng cơ hội, sức khỏe và an toàn lao động. Ở một số quốc gia, các công ty nhận thấy việc phân định rõ ràng trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc là rất hữu ích.

Hội đồng Quản trị không chỉ chịu trách nhiệm đối với công ty và cổ đông mà còn có nhiệm vụ hoạt động vì lợi ích cao nhất của cổ đông. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị phải quan tâm tới và giải quyết công bằng lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan bao gồm người lao động, chủ nợ, khách hàng, nhà cung cấp và cộng đồng sở tại. Tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường và xã hội là một trong những vấn đề thuộc lĩnh vực này.

A. Thành viên Hội đồng Quản trị phải làm việc với thông tin đầy đủ, tin cậy, siêng năng và cẩn trọng, và vì lợi ích cao nhất của công ty và cổ đông.

Ở một số quốc gia, luật pháp quy định Hội đồng Quản trị phải hoạt động vì lợi ích của công ty, quan tâm tới lợi ích của cổ đông, người lao động và cộng đồng. Hoạt động vì lợi ích cao nhất của công ty không cho phép ban lãnh đạo trở nên cách biệt, bảo thủ.

Nguyên tắc này ghi rõ hai yếu tố chính trong trách nhiệm được ủy thác của thành viên Hội đồng Quản trị, đó là: trách nhiệm cẩn trọng và trách nhiệm trung thành. Trách nhiệm cẩn trọng yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị hoạt động với thông tin đầy đủ, tin cậy, miễn cưỡng và cẩn trọng. Một số quốc gia có chuẩn mực tham khảo cho hành vi mà một người cẩn trọng thực hiện trong các tình huống tương tự. Ở hầu hết các quốc gia, trách nhiệm cẩn trọng không bao gồm các sai sót trong đánh giá tình hình kinh doanh miễn là thành viên Hội đồng Quản trị không quá sơ suất và quyết định được đưa ra với sự miễn cưỡng cần thiết. Nguyên tắc này yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị hoạt động với thông tin đầy đủ. Thông lệ tốt ở đây là họ cần phải cảm thấy hài lòng rằng các hệ thống thông tin và tuân thủ chủ yếu của công ty về cơ bản là có hiệu quả và củng cố vai trò giám sát của Hội đồng Quản trị như đề cập trong bộ Nguyên tắc này. Ở nhiều quốc gia, điều này được coi là một yếu tố của trách nhiệm cẩn trọng, trong khi ở các quốc gia khác việc này được quy định bởi các luật lệ về chứng khoán, chuẩn mực kế toán v.v. Trách nhiệm trung thành có vai trò then chốt vì nó củng cố việc thực hiện có hiệu quả các nguyên tắc khác trong bộ Nguyên tắc này, ví dụ, đối xử bình đẳng với mọi cổ đông, giám sát giao dịch với các bên có liên quan, và xây dựng chính sách thù lao phù hợp cho cán bộ quản lý cao cấp và thành viên Hội đồng Quản trị. Đây cũng là một nguyên tắc chủ chốt đối với thành viên Hội đồng Quản trị đang làm việc trong một tập đoàn: mặc dù một công ty có thể đặt dưới sự kiểm soát của một công ty khác, trách nhiệm trung thành của thành viên Hội đồng Quản trị chỉ liên quan tới công ty đó và tất cả cổ đông của nó mà không liên quan tới công ty kiểm soát tập đoàn.

B. Khi quyết định của Hội đồng Quản trị có thể ảnh hưởng tới các nhóm cổ đông khác nhau theo các cách khác nhau thì Hội đồng Quản trị phải đối xử bình đẳng với mọi cổ đông.

Khi thực hiện trách nhiệm, Hội đồng Quản trị không được tự coi là, hoặc hành động với tư cách là tập hợp của các cá nhân đại diện cho các nhóm cổ

đồng khác nhau. Có thể trên thực tế một số thành viên Hội đồng Quản trị được một số cổ đông nào đó đề cử hoặc bầu ra (và đôi khi bị các cổ đông khác phản đối), nhưng một đặc điểm quan trọng trong công việc của Hội đồng Quản trị là thành viên Hội đồng Quản trị khi gánh vác trách nhiệm phải thực hiện trách nhiệm của mình một cách công bằng đối với tất cả các cổ đông. Nguyên tắc này đặc biệt quan trọng trong trường hợp công ty có cổ đông nắm quyền kiểm soát mà trên thực tế có thể bầu chọn tất cả thành viên Hội đồng Quản trị.

C. Hội đồng Quản trị phải áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức cao, phải quan tâm tới lợi ích của cổ đông.

Hội đồng Quản trị có vai trò then chốt trong việc thiết lập chuẩn mực đạo đức của công ty, không chỉ bằng hành động của mình mà còn bằng việc bổ nhiệm và giám sát các cán bộ quản lý chủ chốt và ban lãnh đạo công ty nói chung. Các chuẩn mực đạo đức cao đem lại lợi ích dài hạn cho công ty, là phương tiện để giúp nâng cao uy tín và độ tin cậy của công ty, không chỉ trong hoạt động hàng ngày mà còn liên quan tới tương lai lâu dài của công ty. Để giúp các mục tiêu của Hội đồng Quản trị được rõ ràng và khả thi, nhiều công ty đã xây dựng bộ quy tắc đạo đức dựa trên các tiêu chuẩn nghề nghiệp, và đôi khi phát triển rộng hơn thành bộ quy tắc ứng xử. Bộ quy tắc ứng xử có thể bao gồm một cam kết tự nguyện của công ty (gồm cả các công ty con) tuân thủ Các Nguyên tắc Chỉ đạo đối với Công ty Đa Quốc gia của OECD, trong đó phản ánh tất cả bốn nguyên tắc trong Tuyên bố về Quyền Lao động Cơ bản của ILO.

Các quy tắc áp dụng rộng rãi trong công ty giữ vai trò chuẩn mực đạo đức cho cả Hội đồng Quản trị và các cán bộ quản lý chủ chốt, tạo khuôn khổ cho việc đánh giá, xử lý các vấn đề liên quan đến các nhóm cổ đông khác nhau và có lợi ích xung đột. Ít nhất thì quy tắc đạo đức phải định ra giới hạn rõ ràng đối với việc mưu cầu lợi ích cá nhân, bao gồm việc mua bán cổ phần công ty. Một khuôn khổ đạo đức toàn diện vượt ra ngoài việc tuân thủ pháp luật phải luôn được coi là một yêu cầu cơ bản.

D. Hội đồng Quản trị phải thực hiện các chức năng chủ yếu bao gồm:

- 1. Xem xét và định hướng chiến lược công ty, các kế hoạch hoạt động cơ bản, chính sách rủi ro, ngân sách và kế hoạch kinh doanh hàng năm; đặt ra các mục tiêu hoạt động, theo dõi việc thực hiện mục tiêu và hoạt động của công ty; giám sát các hoạt động đầu tư vốn, thu tóm và thoái vốn chủ yếu.**

Một lĩnh vực ngày càng có tầm quan trọng đối với Hội đồng Quản trị và có liên quan chặt chẽ với chiến lược của công ty là chính sách rủi ro. Chính sách này sẽ liên quan đến việc xác định loại hình và mức độ rủi ro mà một công ty sẵn sàng chấp nhận để đạt được mục tiêu của mình. Vì vậy nó là nguyên tắc chỉ đạo quản lý sống còn cho cơ quan quản lý công ty trong quản trị rủi ro để đáp ứng kỳ vọng của công ty.

2. Giám sát hiệu quả các thực tiễn quản trị công ty và thực hiện các thay đổi khi cần thiết.

Việc Hội đồng Quản trị giám sát quản trị công ty cũng bao gồm việc đánh giá liên tục cơ cấu nội bộ của công ty để đảm bảo phân định phạm vi trách nhiệm rõ ràng cho công tác quản lý trong công ty. Ngoài việc quy định giám sát và công bố các thông lệ quản trị công ty thường xuyên, một số quốc gia đã tiến tới khuyến nghị hay yêu cầu Hội đồng Quản trị tự đánh giá hiệu quả của họ cũng như yêu cầu đánh giá hiệu quả của từng cá nhân thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc Điều hành/Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

3. Lựa chọn, thù lao, giám sát và thay thế các cán bộ quản lý then chốt khi cần thiết và giám sát kế hoạch chọn người kế nhiệm.

Trong hệ thống Hội đồng Quản trị hai cấp, Ban Kiểm soát cũng chịu trách nhiệm bổ nhiệm Ban Giám đốc, ban này thường bao gồm đa số các cán bộ quản lý cấp cao.

4. Gắn mức thù lao của cán bộ quản lý cấp cao và Hội đồng Quản trị với lợi ích lâu dài của công ty và cổ đông.

Ngày càng có nhiều quốc gia coi việc Hội đồng Quản trị xây dựng và công bố chính sách thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao là thông lệ tốt. Việc công bố chính sách như vậy xác định mối quan hệ giữa mức thù lao và hiệu quả, đưa ra các tiêu chuẩn có thể đo lường được, nhấn mạnh lợi ích lâu dài của công ty hơn là các suy tính ngắn hạn. Công bố chính sách thù lao nói chung thường đặt ra các điều kiện trả lương cho các hoạt động ngoài công tác quản lý cho thành viên Hội đồng Quản trị như tư vấn. Bản công bố cũng thường xác định các điều khoản về nắm giữ và mua bán cổ phiếu của công ty mà thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao phải tuân thủ, và các thủ tục cần thực hiện trong việc thưởng hay định giá lại quyền mua cổ phiếu. Ở một số quốc gia, chính sách thù lao cũng đề cập đến khoản tiền lương phải trả khi chấm dứt hợp đồng với một cán bộ quản lý.

Điều được coi là thông lệ tốt ở ngày càng nhiều công ty là chính sách thù lao và hợp đồng tuyển dụng đối với thành viên Hội đồng Quản trị và các cán bộ quản lý chủ chốt được quản lý bởi một ủy ban đặc biệt của Hội đồng Quản trị bao gồm toàn bộ hoặc đa số các thành viên độc lập. Ngoài ra ủy ban lương thưởng này cũng cần loại trừ các cán bộ quản lý hoạt động trong ủy ban lương thưởng của nhau trong các hội đồng quản trị khác, vì việc này có thể dẫn tới xung đột lợi ích.

5. Đảm bảo sự nghiêm túc và minh bạch của quy trình đề cử và bầu Hội đồng Quản trị.

Bộ Nguyên tắc này tăng cường vai trò tích cực của cổ đông trong việc đề cử và bầu chọn thành viên Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có vai trò then chốt trong việc đảm bảo vấn đề này và các khía cạnh khác của quy trình đề cử và bầu chọn Hội đồng Quản trị được tôn trọng. Mặc dù các thủ tục đề cử có thể khác nhau ở các quốc gia nhưng Hội đồng Quản trị hay ủy ban đề cử có một trách nhiệm đặc biệt là đảm bảo các thủ tục quy định minh bạch và được tôn trọng. Ngoài ra Hội đồng Quản trị có vai trò chính trong việc xác định các thành viên Hội đồng Quản trị tiềm năng có kiến thức, năng lực và chuyên môn phù hợp để bổ sung các kỹ năng hiện có của Hội đồng Quản trị, qua đó nâng cao khả năng gia tăng giá trị cho công ty. Một số quốc gia quy định quy trình tìm kiếm ứng cử viên phải mở rộng cho nhiều đối tượng khác nhau.

6. Giám sát và xử lý các xung đột lợi ích tiềm ẩn của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và cổ đông, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lợi dụng các giao dịch với bên có liên quan.

Hội đồng Quản trị có một chức năng quan trọng là giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm báo cáo tài chính và báo cáo sử dụng tài sản công ty và chống lại việc lạm dụng các giao dịch với bên liên quan. Những chức năng này đôi khi được giao cho kiểm toán nội bộ, là bộ phận báo cáo trực tiếp cho Hội đồng Quản trị. Khi các quan chức khác trong công ty chịu trách nhiệm trên các lĩnh vực khác nhau, thì điều quan trọng là họ cần phải báo cáo cho Hội đồng Quản trị tương tự như kiểm toán nội bộ.

Để thực hiện trách nhiệm giám sát, Hội đồng Quản trị cần khuyến khích việc tố giác các hành vi phi đạo đức/bất hợp pháp mà không sợ bị trừng phạt. Bộ quy tắc đạo đức công ty cần hỗ trợ quá trình này và người tố giác cần được sự bảo vệ của pháp luật. Ở một số công ty, ủy ban kiểm toán hoặc

ủy ban đạo đức được xác định là đầu mối liên lạc cho người lao động muốn thông báo về các hành vi phi đạo đức hay bất hợp pháp có thể làm tổn hại tính trung thực của các báo cáo tài chính.

7. Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của công ty, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập, và bảo đảm rằng các hệ thống kiểm soát phù hợp luôn hoạt động, đặc biệt là các hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tài chính và hoạt động, tuân thủ theo pháp luật và các tiêu chuẩn liên quan.

Việc đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo và giám sát sẽ buộc Hội đồng Quản trị phải thiết lập và thực thi đầy đủ việc phân chia và thực hiện trách nhiệm rõ ràng trong công ty. Hội đồng Quản trị cũng cần đảm bảo sự giám sát phù hợp đối với các lãnh đạo cấp cao trong công ty. Một cách để thực hiện việc này là thông qua hệ thống kiểm toán nội bộ trực tiếp báo cáo cho Hội đồng Quản trị. Ở một số quốc gia, được coi là thông lệ tốt khi kiểm toán viên nội bộ báo cáo cho ủy ban kiểm toán độc lập của Hội đồng Quản trị hoặc bộ phận tương đương chịu trách nhiệm quản lý mối quan hệ với đơn vị kiểm toán độc lập, qua đó cho phép Hội đồng Quản trị đưa ra câu trả lời tổng hợp. Việc ủy ban này hay bộ phận tương đương xem xét và báo cáo cho Hội đồng Quản trị các chính sách kế toán quan trọng nhất làm cơ sở cho báo cáo tài chính cũng cần phải coi là thông lệ tốt. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm cuối cùng đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo. Một số quốc gia quy định Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải báo cáo về quy trình kiểm soát nội bộ.

Công ty cũng cần xây dựng các chương trình và thủ tục nội bộ để tăng cường sự tuân thủ luật lệ và chuẩn mực có liên quan như bộ Các Nguyên tắc Chỉ đạo đối với Công ty Đa Quốc gia và Hiệp định Chống Hối lộ Công chức Nước ngoài trong Giao dịch Quốc tế và các biện pháp kiểm soát hối lộ và tham nhũng khác. Ngoài ra, cũng cần phải tuân thủ các luật lệ và quy định khác như luật lệ về chứng khoán, cạnh tranh, điều kiện làm việc và an toàn lao động. Các chương trình tuân thủ như vậy cũng sẽ củng cố quy tắc đạo đức của công ty. Để hiệu quả, cơ chế khuyến khích của công ty cần đi đôi với các chuẩn mực đạo đức và nghề nghiệp. Việc tôn trọng các giá trị này cần được khen thưởng và các hành vi vi phạm cần bị ngăn chặn và trừng phạt. Các chương trình tuân thủ cũng phải mở rộng đến các công ty con trong cùng nhóm có thể.

8. Giám sát quy trình công bố thông tin và truyền đạt thông tin.

Chức năng và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đối với việc công bố và truyền đạt thông tin cần được Hội đồng Quản trị quy định rõ. Ở một số công ty hiện nay có cán bộ quan hệ đầu tư báo cáo trực tiếp lên Hội đồng Quản trị.

E. Hội đồng Quản trị phải có khả năng đưa ra phán quyết độc lập, khách quan về các vấn đề của công ty.

Để thực hiện nhiệm vụ giám sát hiệu quả quản lý, ngăn ngừa xung đột lợi ích và tăng cường khả năng cạnh tranh của công ty, Hội đồng Quản trị phải có khả năng đánh giá khách quan. Ban đầu, việc này có nghĩa là độc lập và khách quan về quản lý, liên quan đến thành phần và cơ cấu của Hội đồng Quản trị. Tính độc lập của Hội đồng Quản trị trong các trường hợp này thường yêu cầu một số lượng đủ thành viên Hội đồng Quản trị phải độc lập với Ban Giám đốc. Ở một số quốc gia có hệ thống Hội đồng Quản trị một cấp, tính khách quan của Hội đồng Quản trị và tính độc lập với Ban Giám đốc có thể được tăng cường bằng việc tách rời vai trò của Giám đốc Điều hành và Chủ tịch Hội đồng Quản trị, hoặc, nếu hai vai trò này kết hợp với nhau, thì bằng việc chỉ định một thành viên Hội đồng Quản trị đứng đầu không điều hành để triệu tập hoặc chủ trì các phiên họp của các Thành viên Hội đồng Quản trị bên ngoài. Việc tách rời hai vị trí có thể coi là thông lệ tốt vì giúp cân bằng quyền lực, tăng trách nhiệm và nâng cao năng lực ra quyết định độc lập của Hội đồng Quản trị với Ban Giám đốc. Việc chỉ định một thành viên Hội đồng Quản trị đứng đầu không điều hành cũng được coi là thông lệ tốt trong trường hợp kết hợp hai chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Giám đốc Điều hành ở một số quốc gia. Những cơ chế như vậy góp phần đảm bảo quản trị công ty chất lượng cao và thực hiện có hiệu quả chức năng của Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đứng đầu không điều hành ở một số quốc gia có thể được một Thư ký Công ty trợ giúp. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị hai cấp, cũng cần xem xét xem có nảy sinh các vấn đề về quản trị công ty hay không nếu có truyền thống chủ tịch của Hội đồng cấp thấp hơn trở thành Chủ tịch Hội đồng Kiểm soát khi về hưu.

Việc tăng cường tính khách quan của Hội đồng Quản trị cũng phụ thuộc vào cơ cấu sở hữu của công ty. Một cổ đông chi phối sẽ có quyền lực lớn trong việc bổ nhiệm Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Tuy nhiên, trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị vẫn có trách nhiệm pháp lý đối với công ty và với cổ đông bao gồm cả cổ đông thiểu số.

Sự đa dạng của cơ cấu Hội đồng Quản trị, hình thức sở hữu và thông lệ ở các quốc gia khác nhau dẫn đến các cách tiếp cận khác nhau về tính khách quan của Hội đồng Quản trị. Trong nhiều trường hợp, tính khách quan yêu cầu một số lượng đủ thành viên Hội đồng Quản trị không được làm việc ở công ty hay chi nhánh công ty và không được có quan hệ mật thiết với công ty hoặc ban Giám đốc thông qua các quan hệ kinh tế, gia đình hay các quan hệ quan trọng khác. Điều này không cản trở cổ đông trở thành thành viên Hội đồng Quản trị. Trong các trường hợp khác, sự độc lập với cổ đông hoặc tổ chức nắm quyền kiểm soát cần được nhấn mạnh, đặc biệt ở các nước nơi việc bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số còn yếu và cơ hội khiếu nại còn hạn chế. Điều này dẫn đến luật lệ ở một số quốc gia quy định một số thành viên Hội đồng Quản trị phải độc lập với cổ đông chi phối. Tính độc lập mở rộng tới việc không làm đại diện hoặc có quan hệ kinh tế mật thiết với cổ đông chi phối. Trong các trường hợp khác, các bên như chủ nợ cũng có thể có ảnh hưởng quan trọng. Khi có một bên có vị trí đặc biệt ảnh hưởng tới công ty thì cần phải có các cuộc kiểm tra chặt chẽ để đảm bảo đánh giá khách quan của Hội đồng Quản trị.

Khi xác định thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị, một số nguyên tắc quốc gia về quản trị công ty đã xác định các giả định chi tiết cho tính không độc lập thường được phản ánh trong các quy định niêm yết. Trong khi xây dựng các điều kiện quan trọng, các tiêu chí “phủ định” như xác định khi nào một cá nhân không được coi là độc lập thường có thể được bổ sung bởi các ví dụ “khẳng định” về các phẩm chất làm tăng hiệu quả của tính độc lập.

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập có thể có đóng góp quan trọng cho việc ra quyết định của Hội đồng Quản trị. Họ có thể đem lại cái nhìn khách quan cho đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Ngoài ra, họ có thể có vai trò quan trọng trong các lĩnh vực nơi lợi ích của ban lãnh đạo, công ty và cổ đông bất đồng, ví dụ thù lao cho cán bộ quản lý, kế hoạch kế nhiệm, thay đổi quyền kiểm soát công ty, các biện pháp chống thâm tóm, thâm tóm lớn và kiểm toán. Để thực hiện được vai trò này, Hội đồng Quản trị cần tuyên bố những người được coi là độc lập và tiêu chí xác định tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị.

- 1. Hội đồng Quản trị phải xem xét việc bổ nhiệm một số lượng đủ các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có khả năng đưa ra phán quyết độc lập đối với các vấn đề khi tiềm ẩn xung đột về lợi ích. Ví dụ như đảm bảo tính trung thực của các báo cáo tài chính và phi tài chính, xem xét lại các giao dịch liên**

quan tới bên thứ ba, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý chủ chốt và thù lao cho Hội đồng Quản trị.

Trong khi trách nhiệm về báo cáo tài chính, chế độ thù lao và đề cử thường là của Hội đồng Quản trị nói chung thì thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể là sự đảm bảo thêm cho các bên tham gia thị trường rằng lợi ích của họ sẽ được bảo vệ. Hội đồng Quản trị cũng có thể thành lập các ủy ban cụ thể để xem xét các vấn đề có khả năng gây xung đột lợi ích. Các ủy ban này có thể bao gồm một số lượng tối thiểu hoặc toàn bộ là các thành viên không điều hành. Ở một số quốc gia, cổ đông có trách nhiệm trực tiếp đề cử và bầu các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành thực hiện các chức năng chuyên biệt.

2. Khi các ủy ban của Hội đồng Quản trị được thành lập, thẩm quyền, thành phần và quy trình hoạt động của các ủy ban phải được Hội đồng Quản trị quy định và công bố rõ ràng.

Trong khi việc sử dụng các ủy ban có thể nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Quản trị thì các ủy ban này cũng đặt ra các câu hỏi về trách nhiệm tập thể của Hội đồng Quản trị và của từng cá nhân thành viên Hội đồng Quản trị. Vì vậy để đánh giá thành tích của các ủy ban, thị trường cần được cung cấp một bức tranh hoàn chỉnh và rõ ràng về mục đích, nhiệm vụ và thành phần của chúng. Thông tin như vậy đặc biệt quan trọng ở những nước nơi Hội đồng Quản trị thành lập ủy ban kiểm toán độc lập, có quyền giám sát mối quan hệ của công ty với đơn vị kiểm toán độc lập và hoạt động độc lập trong nhiều trường hợp. Các ủy ban khác của Hội đồng Quản trị bao gồm ủy ban đề cử và lương thưởng. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại và Hội đồng Quản trị nói chung cũng cần rõ ràng. Công bố thông tin không áp dụng cho những ủy ban được thành lập để giải quyết các giao dịch thương mại mật.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị phải cam kết thực hiện các trách nhiệm của mình một cách hiệu quả.

Tham gia vào quá nhiều Hội đồng Quản trị có thể ảnh hưởng tới hiệu quả của thành viên Hội đồng Quản trị. Công ty có thể yêu cầu xem xét liệu việc một cá nhân là thành viên của nhiều Hội đồng Quản trị có ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị hay không và công bố thông tin cho cổ đông. Một số quốc gia hạn chế số lượng Hội đồng Quản trị mà một cá nhân có thể tham gia. Tuy nhiên, các giới hạn cụ thể có thể ít quan trọng hơn việc đảm bảo thành viên Hội đồng Quản trị hoạt động chính đáng và có

được sự tin cậy trong con mắt của cổ đông. Điều này được tăng cường bởi việc công bố số lần dự họp của từng thành viên Hội đồng Quản trị (chẳng hạn, họ có vắng mặt nhiều tại các cuộc họp hay không) và bất kỳ công việc gì được thực hiện thay mặt Hội đồng Quản trị và chế độ thù lao liên quan.

Để cải thiện hoạt động và hiệu quả của thành viên Hội đồng Quản trị, ngày càng nhiều quốc gia khuyến khích các công ty tham gia đào tạo Hội đồng Quản trị và tiến hành công tác tự đánh giá một cách tự nguyện, đáp ứng yêu cầu của từng công ty. Việc đào tạo này giúp cho thành viên Hội đồng Quản trị thu thập được các kỹ năng cần thiết sau khi được bổ nhiệm, và sau đó tiếp tục cập nhật các vấn đề mới thông qua đào tạo trong công ty hay các khóa học bên ngoài.

F. Để thực hiện trách nhiệm của mình, thành viên Hội đồng Quản trị phải được tiếp cận với thông tin chính xác, phù hợp và kịp thời.

Thành viên Hội đồng Quản trị phải được tiếp cận kịp thời với thông tin phù hợp để hỗ trợ quá trình ra quyết định. Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành không thường được tiếp cận các thông tin giống như các cán bộ quản lý cấp cao trong công ty. Đóng góp của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành đối với công ty có thể được tăng cường bằng việc cho họ cơ hội tiếp cận với các cán bộ quản lý cấp cao nhất định trong công ty, ví dụ, thư ký công ty và nhân viên kiểm toán nội bộ, hay sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập bên ngoài do công ty chi trả. Để thực hiện được trách nhiệm của mình, thành viên Hội đồng Quản trị phải đảm bảo rằng họ được tiếp cận thông tin chính xác, phù hợp và kịp thời.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)

Số 2, đường André Pascal
175775 Paris Cedex 16, Pháp

Tel: +33 1 45 24 82 00

Fax: +33 1 45 24 85 00

Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh
Tầng 3, Tòa nhà Somerset
Chancellor Court
21-23 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 8 3823 5266
Fax: +84 8 3823 5271

Văn phòng Hà Nội:
Tầng 3, 63 Lý Thái Tổ
Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 8 3824 7892
Fax: +84 8 3824 7898

Liên hệ: Juan Carlos Fernandez Zara
Giám đốc Dự án
Email: JFernandez@ifc.org

Liên hệ: Nguyễn Nguyệt Anh
Cán bộ Dự án
Email: NAnh2@ifc.org

Tài trợ bởi:

